

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ**

**TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH
TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM**

HÀ NỘI - 2006

LỜI MỞ ĐẦU

Nước Việt Nam có truyền thống văn hoá lâu đời và là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Cũng như ở nhiều nước trên thế giới, mỗi dân tộc trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam có những tín ngưỡng, tôn giáo gắn liền với đời sống kinh tế, văn hoá và xã hội.

Nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, ngay từ Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (năm 1946) đến Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay đều luôn khẳng định quyền “tự do tín ngưỡng, tôn giáo” là một trong các quyền cơ bản của con người. Ở Việt Nam không có sự phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo; các tín đồ theo tôn giáo khác nhau cùng chung sống hài hoà trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “*Đồng bào các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật”; đồng thời khẳng định chủ trương ngăn chặn các

hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân.

Nhà nước Việt Nam cam kết tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân trên thực tế, đồng thời không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng và tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh, tôn giáo của người dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng một đất nước Việt Nam ngày càng phát triển, dân chủ, công bằng và văn minh.

Tuy nhiên, ở trong nước và ngoài nước, do thiếu thông tin và do những định kiến nhất định, vẫn có những người chưa hiểu hết và hiểu chưa đúng về tình hình tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam. Để giúp bạn đọc trong và ngoài nước, các nhà nghiên cứu và những ai quan tâm hiểu rõ và đầy đủ hơn tình hình tôn giáo và chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ trân trọng giới thiệu cuốn sách ***"Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam"***.

CHƯƠNG 1

TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

1. Vài nét về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á, có truyền thống văn hoá lâu đời, có lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng sinh sống trên một lãnh thổ với văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống khác nhau mang đậm bản sắc tộc người. Mỗi dân tộc, mỗi nền văn hóa trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có những sắc thái riêng, song lại giống nhau ở một điểm là đều có tập tục thờ đa thần.

Vào buổi đầu Công nguyên, khi Phật giáo vào Việt Nam dù bằng đường biển từ Ấn Độ đến hay bằng đường bộ từ Trung Quốc sang, người Việt Nam kết hợp tiềm thức tôn giáo, tín ngưỡng bản địa với Phật giáo để tạo nên một Phật mẫu Man Nương và Hệ thống chùa Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện). Hệ thống thờ Tứ Pháp là một tôn giáo bản địa với sự góp mặt của đạo Phật kết hợp với các yếu tố tín ngưỡng nguyên thủy, thờ cúng các nữ thần nông nghiệp và sùng bái các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp của người Việt.

Từ thế kỷ X, tín ngưỡng đa thần cùng với việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa Phật, Nho và Lão giáo vào trong tôn

giáo được gọi là *Tam giáo đồng nguyên* hay *Tam giáo đồng tôn*. Hệ thống Tam giáo trở thành một hệ thống tâm linh mang đậm sắc thái dân tộc Việt Nam.

Đến thế kỷ XV, sau khi lên ngôi, nhà Lê đã không sử dụng Phật giáo như một chỗ dựa tinh thần cho xã hội mà dùng hệ tư tưởng Nho giáo làm trọng. Ngôi đình làng trở thành vị trí trung tâm thay cho ngôi chùa. Ở mỗi làng, mỗi khu vực, người dân chọn ra cho mình một vị thần Thành hoàng để thờ trong đình. Thần Thành hoàng không nhất thiết phải là người có chức có quyền, có công lao to lớn, có hình dáng uy nghi đạo mạo, mà là vị thần được người dân tôn vinh và có thể phù hộ độ trì cho dân làng. Tục thờ Thành hoàng làng là sự chiết trung, sự pha trộn giữa tín ngưỡng mới với tục thờ cúng tổ tiên vốn có trong tư duy người Việt.

Vào thế kỷ thứ XVI, Đạo Công giáo thâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam và người Việt Nam bắt đầu làm quen với một tôn giáo mang sắc thái thờ độc thần. Trong suốt mấy thế kỷ, những người Công giáo Việt Nam tin theo Chúa Trời đã phải bỏ hết các tín ngưỡng thờ cúng cũ trong đó có việc thờ cúng ông cha, tổ tiên của mình. Cho đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên mới trở lại với người Công giáo Việt Nam.

Như vậy, hệ thống cấu trúc tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam được tạo ra từ các luồng tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Đó là: tín ngưỡng bản địa và tục thờ đa thần; tôn giáo ngoại sinh (là những tôn giáo được sinh ra từ nước ngoài như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi

giáo..., rồi sau đó được truyền bá vào Việt Nam); tôn giáo nội sinh (là tôn giáo được hình thành ngay ở Việt Nam như: đạo Cao đài, Phật giáo Hoà Hảo, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa...) và các hiện tượng tôn giáo mới. Trong quá trình truyền bá, các tôn giáo ngoại sinh luôn phải thích ứng với hình thái văn hoá tín ngưỡng của người Việt Nam, do vậy cũng có nhiều biến đổi, không còn nguyên dạng như trước nữa, hay nói cách khác là các tôn giáo ngoại sinh khi vào Việt Nam đã được văn hoá Việt Nam đồng hoá.

Dù là tôn giáo ngoại sinh hay nội sinh thì tín đồ các tôn giáo này vẫn bị chi phối bởi hệ thức đa thần giáo, bởi tinh thần bao dung tôn giáo, đứng về phía dân tộc. Yêu nước là một truyền thống quý báu của các tín đồ và tuyệt đại đa số chức sắc tôn giáo ở Việt Nam. Hơn ai hết, đồng bào các tôn giáo hiểu rất rõ rằng Tổ quốc có độc lập, tôn giáo mới tự do.

Là một nước đa tôn giáo nhưng tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam nhìn chung đều gắn bó với dân tộc, đồng thời là một nhân tố xã hội và văn hoá tích cực góp phần làm cho nền văn hoá Việt Nam phong phú, đa dạng và đặc sắc. Việt Nam còn là một đất nước rất ôn hòa trong quan hệ giữa các tôn giáo; có truyền thống đoàn kết tôn giáo, đoàn kết toàn dân trong quá trình dựng nước và giữ nước. Việc chung sống hoà bình và bao dung giữa các tôn giáo cùng với tính nhân ái, nhân bản của con người và xã hội Việt Nam đã tạo ra một bức tranh sinh động về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam: thuần tuý nhưng phong phú, đan xen nhưng không mâu thuẫn. Đặc biệt, ở Việt Nam ngày nay,

sự hoà thuận giữa các tôn giáo và Nhà nước đã thể hiện rất rõ. Vì thế, ở Việt Nam không xảy ra xung đột tôn giáo. Đại đoàn kết toàn dân tộc trong đó có đoàn kết các tôn giáo là nguồn sức mạnh và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Các tôn giáo ở Việt Nam

2.1. Đạo Phật

Đạo Phật truyền vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Vào thời kỳ đó ở Luy Lâu (thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay) đã có một trung tâm Phật giáo khá phồn thịnh.

Thời kỳ đầu, Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam chủ yếu trực tiếp từ Ấn Độ qua đường biển cùng với các thương nhân, một số tăng sỹ Ấn Độ và Trung Á sang truyền giáo ở Việt Nam như Ma-ha-kỳ-vực (Mahajivaka), Khuư-đa-la (K'sudra), vào cuối thế kỷ thứ II sau Công nguyên, sau đó là Khương Tăng Hội, Chi Lương Cương (Kalyana - Siva) vào giữa thế kỷ thứ III sau Công nguyên và đến thế kỷ thứ IV sau Công nguyên là Đạt-ma-đê-bà (Dharmadeva).

Từ thế kỷ V đến thế kỷ X, do hoàn cảnh lịch sử, Phật giáo Việt Nam dần dần chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, Phật giáo Việt Nam có bước phát triển mới cùng với nền độc lập của dân tộc. Dưới thời Đinh - Lê (từ cuối thế kỷ X đến đầu thế kỷ XI), thậm chí một số nhà sư được tham dự

việc triều chính. Thời Lý - Trần (từ đầu thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIV) là thời kỳ cực thịnh của Phật giáo ở Việt Nam, nhiều nhà sư đã phò vua giúp nước. Phật giáo được coi là quốc đạo, chùa chiền được xây dựng và tu bổ; tư tưởng Phật giáo, tổ chức cũng như hành đạo được phát triển, ngay cả một số vị vua cũng xuất gia tu hành. Vua Trần Nhân Tông là người sáng lập ra Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử mang bản sắc Việt Nam với tinh thần sáng tạo, dung hợp và nhập thế. Từ thế kỷ XV, vị trí của Phật giáo dần dần nhường chỗ cho Nho giáo. Tuy nhiên, Phật giáo vẫn là một tôn giáo quan trọng trong Tam giáo đồng nguyên.

Phật giáo Nam Tông truyền vào phía Nam của Việt Nam từ thế kỷ thứ IV sau Công nguyên. Tín đồ Phật giáo Nam Tông chủ yếu là đồng bào dân tộc Khơ-me, tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long nên gọi là Phật giáo Nam Tông Khơ-me. Phật giáo Nam Tông Khơ-me có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong thời kỳ chống xâm lược, các tín đồ, chức sắc Phật giáo Nam Tông Khơ-me đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc. Từ năm 1981, sau Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo cùng với các tổ chức, hệ phái Phật giáo khác, Phật giáo Nam Tông Khơ-me đã tham gia vào ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hiện nay Phật giáo Nam Tông Khơ-me có 452 ngôi chùa, hơn 1 triệu tín đồ và gần 9.000 chức sắc. Ngoài ra, ở Việt Nam còn có khoảng 500 chức sắc Phật giáo Nam Tông trong đồng bào dân tộc Kinh ở một số tỉnh miền Trung và Đông Nam Bộ.

Trong quá trình du nhập và phát triển, Phật giáo đã chứng tỏ là tôn giáo hòa bình, dung hợp với các tín ngưỡng bản địa, luôn luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Đầu thế kỷ XX trước sự biến đổi lớn về kinh tế, văn hoá, xã hội..., phong trào chấn hưng Phật giáo đã diễn ra ở nhiều nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản... trong đó có Việt Nam. *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam* ngoài ý nghĩa tôn giáo còn có ý nghĩa chính trị - xã hội tích cực, gắn với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra đầu tiên ở Sài Gòn vào năm 1920 gắn với tên tuổi của các nhà sư tiên phong như Khánh Hoà, Thiện Chiếu..., sau đó lan ra miền Trung và miền Bắc với sự tham gia của các nhà sư: Hoà thượng Giác Tiên, Thượng toạ Tố Liên, Thượng toạ Trí Hải... và các cư sĩ Lê Đình Thám, Nguyễn Năng Quốc, Phan Kế Bính, Trần Văn Giáp...

Nhiều tổ chức Phật giáo ra đời trong thời kỳ này ở ba miền, trong đó có sáu tổ chức quan trọng nhất. Ở miền Nam có: *Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học* (thành lập năm 1930), *Hội Tăng già Nam Việt* (thành lập năm 1951). Ở miền Trung có: *An Nam Phật học hội* (thành lập năm 1932), *Hội Tăng già Trung Việt* (thành lập năm 1949). Ở miền Bắc có: *Hội Phật giáo Bắc Kỳ* (thành lập năm 1934), *Hội Chính lý Tăng ni Bắc Việt* (thành lập năm 1949) và năm 1950 đổi tên thành *Hội Tăng già Bắc Việt*.

Năm 1951, các tổ chức Phật giáo nói trên đã họp tại Huế để thống nhất lập ra *Tổng hội Phật giáo Việt Nam*.

Đây được coi là cuộc vận động thống nhất đầu tiên và quan trọng trong lịch sử Phật giáo ở Việt Nam về mặt tổ chức.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo kéo dài đến năm 1954. Tuyệt đại bộ phận tăng ni, Phật tử vẫn giữ được truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, vẫn giữ nếp tu hành theo sơn môn, tông phái và tích cực tham gia đóng góp sức người, sức của vào thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược. Đông đảo tăng ni, Phật tử tham gia Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt. Nhiều chùa là cơ sở hoạt động hoặc là nơi nuôi giấu cán bộ cách mạng. Đặc biệt ở Nam Bộ, tổ chức *Phật giáo cứu quốc* đã thu hút rất đông tăng ni tham gia các hoạt động yêu nước.

Sau năm 1954, đất nước bị chia cắt, tình hình Phật giáo ở hai miền có nhiều thay đổi:

Ở miền Bắc, tháng 9-1957, các tăng ni tiêu biểu đã tiến hành cuộc vận động thành lập một tổ chức mới. Tháng 3 năm 1958, Đại hội Đại biểu Phật giáo miền Bắc đã nhất trí thành lập *Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam* với mục đích "Hòa hợp tăng ni, cư sĩ, các nhà nghiên cứu Phật học để: Hoàng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh, phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hoà bình". Từ khi ra đời, ngoài hoạt động tôn giáo, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam đã tích cực tham gia hoạt động xã hội và các phong trào yêu nước; đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở miền Bắc, đấu tranh chống ngoại xâm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Việc ra đời và các hoạt động tích cực của Hội là bước chuyển quan trọng trong lịch sử gắn bó với dân tộc của Phật giáo ở miền Bắc.

Ở miền Nam, từ năm 1954 đến năm 1975, đã ra đời hàng chục tổ chức Phật giáo như: Tăng già Nguyên thủy, Khất sĩ, Thiên Thai giáo Quán tông, Hội Phật học Nam Việt... Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được thành lập năm 1964 trên cơ sở tập hợp một số tổ chức, hệ phái Phật giáo mà nòng cốt là Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Sau một thời gian hoạt động, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất bắt đầu có sự phân rã, một bộ phận nhỏ bị lợi dụng phục vụ mục đích chính trị của ngoại bang đã tách ra hoạt động riêng, bị chi phối bởi những khuynh hướng tiêu cực; nhưng tuyệt đại đa số tăng ni và Phật tử gắn bó với dân tộc, tiếp tục duy trì truyền thống yêu nước, tham gia vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất vẫn hoạt động ở Việt Nam, tiếp tục thực hiện Phong trào Chấn hưng Phật giáo trong điều kiện đất nước hoàn toàn thống nhất; đông đảo tăng ni, Phật tử có tâm nguyện thống nhất các tổ chức hệ phái Phật giáo thành một giáo hội chung và cơ duyên thuận lợi cho việc thực hiện tâm nguyện đó đã đến. Tháng 2-1980, *Ban Vận động Thống nhất Phật giáo* được thành lập gồm 33 vị tăng ni, cư sĩ đại diện cho các hệ phái Phật giáo cả nước. Tháng 11-1981, Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội với sự tham dự của 165 đại biểu tăng ni, cư sĩ đại diện cho 9 tổ chức, hệ phái trong cả nước gồm: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Ban Liên lạc Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh,

Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Giáo hội Thiên Thai giáo Quán tông, Hội Phật học Nam Việt.

Hội nghị đã nhất trí thành lập *Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, thông qua Hiến chương và đường hướng hoạt động "*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*", đồng thời bầu ra cơ quan lãnh đạo của Giáo hội là Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự. Trong lời kêu gọi của Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Trí Thủ, thay mặt Đoàn Chủ tịch Hội nghị đọc tại chùa Quán Sứ, Hà Nội ngày 7-11-1981, có đoạn: "*Từ nay, chúng ta không còn là Phật tử của miền Nam, miền Trung hay miền Bắc, không còn bị gò bó chia cách bởi tổ chức này hay hình thức nọ, mà đều là Phật tử Việt Nam, thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong nước cũng như ngoài nước*".

Sau sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tăng ni, Phật tử trong cả nước tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước để "hộ trì Hoàng dương Phật pháp, phục vụ Tổ quốc Việt Nam, góp phần đem lại hoà bình, an lạc cho thế giới". Tuyệt đại đa số tăng ni đã tiếp tục tích cực góp phần xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày một trưởng thành, khẳng định vị trí của mình trong lòng dân tộc. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua 5 kỳ Đại hội. Đại hội lần I năm 1981, Đại hội lần II năm 1987, Đại hội lần III năm 1992, Đại hội lần IV năm 1997 và Đại hội lần V năm 2002.



Đại lễ Phật đản năm 2006 (Phật lịch 2550)
tại chùa Vĩnh Nghiêm, thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay được xây dựng theo cơ cấu: cấp Trung ương có Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự, với 11 ban chuyên môn như: Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng ni, Ban Hướng dẫn Phật tử, Ban Hoàng pháp, Ban Nghi lễ, Ban Văn hoá, Ban Kinh tế - Tài chính, Ban Từ thiện Xã hội, Ban Phật giáo Quốc tế, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Văn phòng.

Dưới cấp Trung ương là các Ban Trị sự tỉnh, thành hội và Ban Đại diện huyện (quận) và Đại diện ở xã (phường). Đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là các chùa, tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường.

Phật giáo Việt Nam có bề dày lịch sử gần hai chục thế kỷ. Ngày nay tín đồ, tăng ni Phật giáo cả nước dưới

sự lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã và đang có những đóng góp quan trọng vào công cuộc đổi mới của đất nước.

2.2. Công giáo

Từ những thập niên đầu của thế kỷ XVI ở Việt Nam đã có các giáo sĩ phương Tây đến truyền giáo. Sách *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* chép rằng: Năm Nguyên hoà đời vua Lê Trang Tôn (năm 1533 - Tây lịch) có một thương nhân là I-nê-khu (Ignatius) đi đường biển vào giảng đạo Gia-tô ở Ninh Cường, Quần Anh thuộc huyện Nam Chân và làng Trà Lũ thuộc huyện Giao Thủy (các địa danh này ngày nay thuộc tỉnh Nam Định). Nhiều nhà nghiên cứu sử học Công giáo lấy năm 1533 là thời mốc đánh dấu việc truyền đạo Công giáo vào Việt Nam. Tiếp theo đó, năm 1550, linh mục Gaspar da Santa Cruz đến giảng đạo tại Hà Tiên; năm 1558, các linh mục khác như Luís de Fonseca, Grégoire de la Motte truyền giáo ở miền Trung; năm 1583, các linh mục Diego Doropesa, Pedro Ortiz đến truyền giáo ở vùng ven biển Quảng Ninh... Thời kỳ từ năm 1533 đến năm 1614, chủ yếu là các giáo sĩ dòng Phan-xi-cô (Order of Friars Minor) thuộc Bồ Đào Nha và dòng Đa Minh (Order of Preachers) thuộc Tây Ban Nha đi theo những thuyền buôn vào Việt Nam, nhưng do không quen thông thổ, chưa thạo ngôn ngữ nên việc truyền giáo không mấy kết quả. Từ năm 1615 đến năm 1665, các giáo sĩ dòng Tên (Society of Jesus) thuộc Bồ Đào Nha từ Ma-cao (Macau, Trung Quốc)

vào Việt Nam hoạt động ở cả Đàng Trong (nam sông Gianh), Đàng Ngoài (bắc sông Gianh). Ở Đàng Trong có các linh mục Francesco Buzomi, Diego Carvalho, Francisco de Pina và Alexandre de Rhodes (quen gọi là cha Đắc Lộ). Ở Đàng Ngoài có linh mục Pedro Marques, Gaspar d'Amaral, Antonio Barbosa,...

Đặc biệt là linh mục Alexandre de Rhodes đã dùng ký tự La-tinh đặt hệ chữ viết mới góp phần hình thành chữ quốc ngữ như ngày nay, hỗ trợ rất tích cực cho việc truyền đạo. Theo tài liệu của Giáo hội Công giáo, sau 37 năm truyền giáo ở Đàng Ngoài với 25 linh mục, 5 trợ sĩ và sau 50 năm truyền giáo ở Đàng Trong với 39 linh mục, 1 trợ sĩ, các giáo sĩ dòng Tên (Society of Jesus) đã phát triển được khoảng 100 ngàn tín đồ. Năm 1850, cả nước có 500.000 người theo đạo Công giáo và 227 linh mục (ở Đàng Ngoài là 380.000 người và 147 linh mục, ở Đàng Trong là 120.000 người và 80 linh mục).

Về mặt tổ chức, đến nửa đầu thế kỷ XIX, đạo Công giáo đã có những biến đổi quan trọng: Năm 1844, Giáo hoàng Gregory XVI chia giáo phận Đàng Trong ra thành hai giáo phận mới là Tây Đàng Trong (Sài Gòn) gồm sáu tỉnh Nam Kỳ của Việt Nam và nước Campuchia do giám mục D. Lefèbvre Ngãi cai quản, giáo phận Đông Đàng Trong (Qui Nhơn) do giám mục E.T. Cuénot Thê cai quản. Năm 1846, giáo phận Tây Đàng Ngoài cũng được Giáo hoàng chia làm hai gồm: Tây Đàng Ngoài (Hà Nội) do giám mục P.A. Retord Liêu cai quản và Nam Đàng Ngoài (Vinh) do giám mục J.D. Gauthier Hậu cai quản.

Năm 1848, Giáo hoàng lại chia giáo phận Đông Đàng Ngoài thành hai giáo phận gồm: Đông Đàng Ngoài và Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu). Năm 1850, Giáo hoàng lại chia giáo phận Đông Đàng Trong thành hai giáo phận: Bắc Đàng Trong (gồm một phần của tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) do giám mục F.M. Pellerin Phan cai quản và giáo phận Đông Đàng Trong (từ Đà Nẵng, Qui Nhơn đến Phan Thiết). Giáo phận Tây Đàng Trong cũng được chia hai: giáo phận Nam Vang (gồm nước Campuchia và các tỉnh Nam Hậu Giang của Việt Nam) do giám mục J.C. Miche Mịch cai quản; giáo phận Tây Đàng Trong (từ Đồng Nai đến Vĩnh Long) do giám mục D. Lefèbvre Ngãi coi sóc.



Lễ Truyền chức cho 57 tân linh mục do Hồng y Crescenzio Sepe, Bộ trưởng Bộ Truyền giáo Tòa thánh Vatican làm chủ lễ tại Nhà thờ Lớn Hà Nội, tháng 11-2005

Cùng với việc tăng cường truyền giáo, không ít giáo sĩ Hội Thừa sai Paris (Société des Missions étrangères de Paris) có những hoạt động không thuộc lĩnh vực tôn giáo, lôi kéo một bộ phận giáo dân, giáo sĩ tham gia phục vụ cho âm mưu ngoại xâm và thống trị Việt Nam.

Sự phát triển của đạo Công giáo ở giai đoạn này được biểu hiện qua các số liệu thống kê sau đây:

Năm 1890, ở 8 giáo phận có 648.435 tín đồ, 9 giám mục, 575 linh mục, tu sĩ (trong đó có 356 linh mục người Việt Nam), 930 nhà thờ; năm 1910, tăng lên 900.000 tín đồ; năm 1939, tăng lên 1.544.765 tín đồ, 1.662 linh mục, tu sĩ, trong đó có 1.343 linh mục là người Việt Nam, 979 giáo xứ.

Như vậy, đến năm 1913 ở Việt Nam có 11 giáo phận và 1 Phủ doãn Tông tòa. Để trợ lực cho các hoạt động của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam, năm 1925, Tòa thánh Vatican thiết lập Tòa Khâm sứ ở Đông Dương và đặt tại Phú Cam (Huế).

Năm 1933, sau đúng 400 năm đạo Công giáo truyền vào Việt Nam, lần đầu tiên Tòa thánh Vatican phong chức giám mục cho linh mục Nguyễn Bá Tòng là người Việt Nam (đến năm 1975 có 41 giám mục người Việt Nam đã được tấn phong; từ sau 30-4-1975 đến tháng 8-2006 có 51 giám mục là người Việt Nam được tấn phong trong đó có 4 Hồng y). Sau khi hoà bình được lập lại ở miền Bắc, ngày 24-11-1960, Giáo hoàng Gioan (John) XXIII ra Sắc chỉ thiết lập hàng giáo phẩm Công giáo ở Việt Nam đồng thời tất cả các tòa giám mục của 20 giáo phận đều được chuyển

từ "hiệu tòa" lên "chính tòa". Từ năm 1954 đến năm 1975, ở miền Trung và miền Nam một số giáo phận mới được thành lập hoặc được chia nhỏ để phù hợp cho việc coi sóc quản lý tín đồ, nâng tổng số lên 25 giáo phận. Tháng 12-2005, giáo phận Xuân Lộc (Đồng Nai) được tách thành 2 giáo phận: Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai) và Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Đến nay, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam có 26 giáo phận trong cả nước.

Cùng với việc truyền đạo và phát triển đạo ở Việt Nam, đạo Công giáo đã góp phần làm phong phú nền văn hoá Việt Nam với kiểu kiến trúc độc đáo của các nhà thờ, tiêu biểu là nhà thờ đá Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình), nhà thờ lớn Hà Nội hay các lễ hội tiếp thu những nét đẹp văn hóa dân tộc như: lễ Thiên Chúa giáng sinh, lễ hội La Vang (Quảng Trị)...

Năm 1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam được thành lập, bao gồm tất cả các giám mục tại các giáo phận Công giáo ở Việt Nam. Hội đồng Giám mục Việt Nam có nhiệm vụ: *cổ vũ tính liên đới để phát huy các thiện tích mà Giáo hội dâng hiến cho Chúa bằng các hình thức tông đồ và các phương pháp thích hợp với hoàn cảnh của thời đại, trong tinh thần gắn bó với dân tộc và đất nước* (theo Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám năm 2004). Thư chung Hội đồng Giám mục Việt Nam 1980 đã xác định đường hướng hoạt động của Giáo hội Công giáo Việt Nam là *"Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc, vì hạnh phúc đồng bào"*.

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Giám mục Việt Nam gồm Ban Thường vụ với các chức danh: Chủ tịch, các Phó Chủ

tịch, Tổng Thư ký, các Phó Tổng Thư ký và các giám mục Chủ tịch những Ủy ban của Hội đồng Giám mục, nhiệm kỳ IX (2004 - 2007) gồm 9 Ủy ban: Ủy ban Giám mục về Giáo lý - Đức tin, Ủy ban Giám mục về Phụng tự và Nghệ thuật Thánh, Ủy ban Giám mục về Thánh nhạc, Ủy ban Giám mục về Giáo sĩ và Chứng sinh, Ủy ban Giám mục về Tu sĩ, Ủy ban Giám mục về Giáo dân, Ủy ban Giám mục về Phúc âm hóa, Ủy ban Giám mục về Văn hóa, Ủy ban Giám mục về Bác ái Xã hội.

Nhiệm kỳ của Hội đồng Giám mục là 3 năm. Từ ngày thành lập đến nay đã qua 9 nhiệm kỳ: nhiệm kỳ I (1980-1983), nhiệm kỳ II (1983-1986), nhiệm kỳ III (1986-1989); nhiệm kỳ IV (1989-1992), nhiệm kỳ V (1992-1995), nhiệm kỳ VI (1995-1998), nhiệm kỳ VII (1998-2001), nhiệm kỳ VIII (2001-2004), nhiệm kỳ IX (2004-2007).

2.3. Đạo Hồi

Ở Việt Nam, tín đồ đạo Hồi chủ yếu là người Chăm, tập trung ở các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai...

Theo tư liệu lịch sử, người Chăm đã biết đến đạo Hồi từ các thế kỷ thứ X, XI. Sử nhà Tống (Trung Quốc) cũng ghi nhận vào cuối thế kỷ X, đầu thế kỷ XI đã xuất hiện đạo Hồi ở Chiêm Thành. Tuy nhiên, phải đến sau biến cố lịch sử vào giữa thế kỷ XV với sự suy vong của nhà nước Chiêm Thành, đạo Hồi trong người Chăm mới biểu hiện rõ nét.

Do vị trí địa lý, hoàn cảnh truyền đạo, do điều kiện sống và mức độ giao lưu với bên ngoài, nhất là với thế giới

đạo Hồi, đã hình thành hai khối người Chăm theo đạo Hồi ở Việt Nam: *một là*, khối người Chăm theo đạo Hồi ở Ninh Thuận, Bình Thuận là khối Hồi giáo cũ hay còn gọi là *Chăm Bà-ni*; *hai là*, khối người Chăm theo đạo Hồi ở Châu Đốc (An Giang), Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai là khối Hồi giáo mới hay còn gọi là *Chăm Islam*.



Tín đồ Hồi giáo dự lễ tại Thánh đường Jamiul Muslimin
(52 Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Hồ Chí Minh)
Ngày 22-10-2006

Giữa hai khối người Chăm theo đạo Hồi có sự khác biệt đáng kể về mặt tôn giáo, từ kinh sách đến các tín điều và nhất là luật lệ, lễ nghi. Có thể khái quát một số điểm chính sau:

Đạo Hồi ở Ninh Thuận, Bình Thuận (Chăm Bà-ni) chịu nhiều ảnh hưởng phong tục tập quán, tín ngưỡng

truyền thống, nhất là sự pha trộn với những yếu tố của đạo Bà-la-môn và chế độ mẫu hệ.

Đạo Hồi ở vùng Châu Đốc (An Giang), Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai (Chăm Islam) tuân thủ đầy đủ các luật lệ, lễ nghi của đạo Hồi. Đặc biệt, đạo Hồi ở đây có mối quan hệ với thế giới Hồi giáo qua việc hành hương sang Méc-ca (Mecca), cử người đi học ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và A-rập Xê-út, thi xướng Kinh Cô-ran hàng năm...

Trong khối Chăm Islam phải kể đến vai trò, ảnh hưởng của người Mã Lai và Hồi giáo Ma-lai-xi-a. Tuy số người Mã Lai sống trong cộng đồng người Hồi giáo ở vùng Châu Đốc không nhiều và thường bị Chăm hoá, nhưng xét về nhiều mặt, từ cơ cấu xã hội đến các sinh hoạt tôn giáo tinh thần, ảnh hưởng của người Mã Lai rất lớn. Trước đây, Kinh Cô-ran (Qur'an) ở vùng này được đọc bằng tiếng A-rập nhưng bình giảng bằng tiếng Mã Lai. Những chức sắc, thầy dạy kinh Cô-ran phần lớn là người Mã Lai. Các ấn phẩm tôn giáo cũng được đưa từ Ma-lai-xi-a sang.

Năm 1991, những người theo đạo Hồi ở Thành phố Hồ Chí Minh lập ra Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo gồm 7 thành viên với nhiệm kỳ là 4 năm. Từ năm 1992 đến nay, Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã qua ba nhiệm kỳ: nhiệm kỳ I (1992-1996), nhiệm kỳ II (1996-2000), nhiệm kỳ III (2000-2006). Đầu năm 2004, đạo Hồi ở An Giang cũng lập Ban Vận động và đã tổ chức Đại hội Đại biểu vào cuối năm 2004, thành lập Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang.

Số lượng tín đồ đạo Hồi ở Việt Nam không nhiều nhưng đạo Hồi lại gắn chặt với dân tộc Chăm, một dân tộc có những đặc điểm riêng về lịch sử và văn hoá. Mặc dù đạo Hồi trong người Chăm có sự khác biệt nhưng nó đã góp phần tạo thêm nét đặc sắc về văn hoá và phong tục tập quán của dân tộc Chăm, cũng như góp phần vào sự đa dạng của nền văn hoá đa dân tộc Việt Nam.

2.4. Đạo Tin lành

Đạo Tin lành có mặt ở Việt Nam muộn hơn so với các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào, khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, do tổ chức Liên hiệp Phúc âm Truyền giáo (The Christian and Missionary Alliance - CMA) truyền vào.

Năm 1887, mục sư tiến sĩ A.B. Simpson - người sáng lập tổ chức CMA khi đến truyền giáo ở Hoa Nam (Trung Quốc) đã sang nghiên cứu tình hình ở Việt Nam.

Năm 1911, mục sư R.A. Jaffray cùng với hai cộng sự là P.M. Hosler và G.L. Hughes tới Đà Nẵng (Tourane), được sự giúp đỡ của ông Bornet thuộc tổ chức Thánh kinh Hội (đến Đà Nẵng từ năm 1902) đã xây dựng cơ sở truyền giáo đầu tiên ở đây. Năm 1911 được xem là thời mốc xác nhận việc truyền đạo Tin lành vào Việt Nam.

Năm 1914, có 9 giáo sĩ của CMA vào Việt Nam thì đến năm 1921 đã tăng gấp đôi và đến năm 1927 tăng lên gấp ba. Từ Đà Nẵng, các giáo sĩ CMA mở rộng việc truyền đạo sang những vùng lân cận và cử người đi truyền đạo ra miền Bắc và miền Trung. Sau 7 năm, tổ chức CMA đã lập

được 5 chi hội ở Bắc Kỳ, 6 chi hội ở Trung Kỳ và 5 chi hội ở Nam Kỳ. Tất cả các chi hội Tin lành lúc đó đều được giấy phép hoạt động của Khâm sứ Pháp và của chính phủ Nam Triều và đều lấy tên là Hội thánh Tin lành Đông Pháp (Mission évangélique de l'Indochine française - MEI).

Trong những năm 1914 - 1925, các giáo sĩ CMA, được sự giúp đỡ của một số nhà nho Việt Nam, đã triển khai việc dịch Kinh Thánh ra chữ quốc ngữ hỗ trợ cho việc truyền giáo. Năm 1921, nhà thờ Tin lành được xây dựng ở Hà Nội và Trường Kinh Thánh cũng được mở ở Đà Nẵng. Về mặt tổ chức, trong 3 năm liên tiếp: từ 1924 đến 1926, tại Đà Nẵng, CMA tổ chức bồi linh hiệp nguyện có tính chất như Đại hội đồng để giải quyết các công việc của đạo. Đến năm 1927, Đại hội đồng lần thứ IV chính thức bầu ra Ban Trị sự Tổng Liên hội và đặt tên gọi là Hội Tin lành Việt Nam Đông Pháp, đến năm 1945 đổi thành Hội thánh Tin lành Việt Nam. Sau đó, Đại hội đồng lần thứ V (năm 1928) đã thông qua bản Điều lệ của tổ chức, nhưng đến Đại hội đồng lần thứ VIII (năm 1936) mới duyệt lại và thi hành (gọi là bản Điều lệ 1936). Đại hội đồng lần thứ V đã quyết định phân chia Tin lành ở Việt Nam thành hai hạt: Bắc - Trung hạt và Nam hạt, đến năm 1931 chia thành 3 hạt: Bắc Kỳ - Trung Kỳ - Nam Kỳ tồn tại cho đến năm 1954.

Năm 1926, tức là 15 năm sau khi đặt được cơ sở đầu tiên ở Đà Nẵng (năm 1911), mục sư A.H. Jackson người Ca-na-đa đã lên Tây Nguyên thăm dò địa bàn truyền giáo mới. Năm 1929, Cơ đốc Phục lâm An Thất nhật (Seventh-Day Adventist) cũng được truyền vào miền Nam.

Đến năm 1945, đạo Tin lành ở Việt Nam có khoảng 15 ngàn tín đồ với trên dưới một trăm chi hội, năm 1954 có khoảng hơn 60 ngàn tín đồ, 154 chi hội, gần 100 mục sư, truyền đạo, trong đó có khoảng 6 ngàn tín đồ là đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (năm 1954), đạo Tin lành ở hai miền có sự khác nhau. Ở miền Bắc, số đông tín đồ, giáo sĩ di cư vào Nam, cơ quan Tổng Liên hội cũng chuyển vào Sài Gòn, chỉ còn lại gần một ngàn tín đồ và hơn một chục mục sư, giảng sư,... Sau ba năm duy trì cơ cấu tổ chức địa hạt, đến năm 1955 những tín đồ, giáo sĩ còn lại ở miền Bắc đã lập tổ chức giáo hội riêng, lấy tên gọi là Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) (Confederation Evangelical Church of Vietnam - Northern), gọi tắt là Hội thánh Tin lành miền Bắc, với cơ cấu tổ chức giáo hội hai cấp: Tổng hội và chi hội ở cơ sở. Đại hội đồng năm 1958 quyết định xúc tiến soạn thảo Điều lệ riêng. Qua thời gian soạn thảo, tu chỉnh, bản Điều lệ chính thức của Hội thánh Tin lành miền Bắc được thông qua tại Đại hội đồng lần thứ VIII tổ chức tại Hà Nội năm 1962. Năm 1963, bản Điều lệ của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) được Nhà nước chấp thuận (gọi là bản Điều lệ 1963). Điều lệ đã xác định đường hướng hoạt động "*kính Chúa và yêu Nước*". Từ năm 1962 đến năm 2004, Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) đã trải qua 25 lần Đại hội đồng. Đại hội đồng lần thứ 32 của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) được tổ chức từ ngày 30-11 đến 3-12-2004 và bầu ra Ban Trị sự nhiệm kỳ 2004 - 2008 gồm 13 thành viên.

Ở miền Nam, trong những năm 1954-1975, tranh thủ hoàn cảnh chính trị lúc bấy giờ, CMA đẩy mạnh hơn bao giờ hết việc đầu tư tiền của, phương tiện, đội ngũ giáo sĩ... để giúp Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam - miền Nam (General Confederation Evangelical Church of Vietnam - Southern), gọi tắt là Hội thánh Tin lành miền Nam, xây dựng hệ thống tổ chức, mở rộng các cơ sở tôn giáo, kinh tế, văn hoá, xã hội. CMA và Hội thánh Tin lành miền Nam đặc biệt quan tâm truyền giáo ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Trong thời gian này, ở miền Nam ngoài Hội thánh Tin lành miền Nam đã có từ trước, còn có nhiều tổ chức hệ phái Tin lành khác hoặc tách ra từ Hội thánh Tin lành miền Nam hoặc từ bên ngoài vào, chủ yếu từ các nước Bắc Mỹ như: Men-nô-nai (Mennonite, năm 1954), Hội Truyền giáo Cơ đốc (United World Mission, năm 1956), Báp-tít (Baptist, năm 1959), Hoàn cầu Khải tượng (World Vision, năm 1959), Môn đệ Đấng Christ (Disciples of Christ, năm 1963), Chứng nhân Giê-hô-va (Jehovah's Witnesses, năm 1965), Hội chúng của Chúa (Assemblies of God) thuộc Tin lành Ngũ tuần (Pentecostal, năm 1970) và một số hệ phái khác.

Sau ngày miền Nam giải phóng, các cơ sở của Hội thánh Tin lành miền Nam, Cơ đốc Phục lâm, Truyền giáo Cơ đốc, Báp-tít và một số hệ phái Tin lành khác vẫn duy trì sinh hoạt tôn giáo bình thường. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, trong đó có việc một bộ phận Tin lành, nhất là Tin lành ở Tây Nguyên có quan hệ với tổ chức phản động

FULRO, nên vấn đề tư cách pháp nhân của Tin lành ở miền Nam chưa được Nhà nước xem xét giải quyết.



Tháng 10-2000, Hội thánh Tin lành miền Nam thành lập Ban vận động Đại hội đồng gồm 24 mục sư. Tháng 1-2001, Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) lần thứ 43 theo lịch sử Giáo hội được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của 382 đại biểu chính thức gồm các mục sư, truyền đạo và các đại biểu tín đồ được chọn cử từ các chi hội, trong đó có 58 mục sư, truyền đạo, tín đồ đại diện cho Tin lành ở các tỉnh Tây Nguyên. Đại hội đồng đã thông qua bản Hiến chương mới (gọi là Hiến chương năm 2001), xác định tên gọi chính thức là Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) và bầu Ban Trị sự Tổng Liên hội gồm 23 mục sư, truyền đạo.

Đại hội đồng lần này đã xác định đường hướng hoạt động của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) là: *"Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc."*

Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) hoạt động theo Hiến pháp và luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chấp hành các quy định của các cơ quan Nhà nước.

Giáo dục tín hữu lòng yêu nước, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng pháp luật, đoàn kết cùng toàn dân xây dựng Tổ quốc, bảo vệ hoà bình".

Hiến chương 2001 quy định việc xây dựng giáo hội hai cấp: Tổng Liên hội và chi hội (Hội thánh cơ sở). Ở các tỉnh, thành phố có các Ban Đại diện hoặc Đại diện, nhiệm kỳ của Ban Trị sự Tổng Liên hội là 4 năm; nhiệm kỳ của Ban Đại diện, Đại diện cũng như nhiệm kỳ của Ban Trị sự Chi hội là 2 năm. Cùng với việc hình thành cơ cấu tổ chức mới, Hiến chương 2001 đã hướng đến xây dựng một tổ chức giáo hội không phụ thuộc vào các tổ chức Tin lành ở nước ngoài.

Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) lần thứ 44 đã diễn ra từ ngày 1 đến ngày 4-3-2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh và bầu ra Ban Trị sự gồm 23 thành viên.

2.5. Đạo Cao đài

Vào đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân tăng cường áp bức bóc lột thuộc địa, chế độ phong kiến nhà Nguyễn

cũng ra sức đàn áp nhân dân để phục vụ lợi ích của chúng. Cuộc sống của nhân dân lao động ngày càng lâm than cực khổ, đặc biệt người nông dân ở Nam Bộ bị tước đoạt ruộng đất trở nên bần cùng hoá, mất tư liệu sản xuất phải đi làm thuê, làm mướn. Các cuộc đấu tranh của nhân dân đều thất bại và sự bất lực trong cuộc sống dẫn đến tình trạng khủng hoảng về tư tưởng, đồng thời sự suy sụp của các tôn giáo và đạo lý đương thời đã tạo ra khoảng trống về tâm linh, kích thích nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân. Đó là những điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của đạo Cao đài.



Tòa thánh Cao đài Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Cùng thời gian này, phong trào Thông linh học phương Tây rất phát triển tại Nam Bộ với những hình thức "xây bàn" tương tự như tục cầu hồn của người Việt và

cầu cơ của nhóm Ngũ chi Minh đạo đã tạo thành phong trào cầu cơ, chấp bút gọi tắt là “cơ bút”. Trong các đàn cơ này có hai nhóm chính hình thành đạo Cao đài. Nhóm thứ nhất do ông Ngô Minh Chiêu cầu cơ tại các đàn cơ ở trong các đền, chùa theo truyền thống cơ bút thuộc các nhóm Ngũ chi Minh đạo. Nhóm thứ hai gồm các ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc tổ chức xây bàn cầu cơ theo kiểu Thông linh học phương Tây nhằm mục đích giải trí, sau này mới sử dụng đại ngọc cơ của đàn Minh Thiện (thuộc Ngũ chi Minh đạo).

Ngày 7-10-1926, 28 người đại diện cho 247 tín đồ đã thống nhất kí tên vào tờ khai đạo gửi chính quyền Pháp. Giữa tháng 11-1926 (ngày 15-10 năm Bính Dần), những chức sắc thiên phong đầu tiên của đạo Cao đài tổ chức lễ khai đạo tại chùa Gò Kén - Tây Ninh chính thức cho ra mắt đạo Cao đài.

Tôn chỉ của đạo Cao đài là: "*Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi hiệp nhất*". Giáo lý của đạo Cao đài đề cao tính thiêng liêng, sự huyền diệu của cơ bút, coi đó là phương tiện để con người liên hệ với Thượng đế. Luật lệ của đạo Cao đài được thực hiện theo Tân luật, Pháp Chánh truyền. Lễ nghi của đạo Cao đài khá cầu kì, phức tạp thể hiện tinh thần Tam giáo đồng nguyên. Đạo Cao đài thờ Thiên nhân có nghĩa là "mắt trời" - biểu tượng Đức Chí Tôn của đạo Cao Đài. Nghi tiết thờ phụng có ba cấp thờ tự: cấp Tòa thánh, cấp thánh thất, thánh tịnh và cấp tại tư gia.

Mô hình tổ chức giáo hội đạo Cao đài thực hiện theo 3 đài: Bát Quái đài là đài vô vi thờ Đức Chí Tôn (Thiên

nhân) và Phật, Tiên, Thánh, Thần. Hiệp Thiên đài là cơ quan bảo pháp được quyền lập đàn cơ và điều hành cơ bút, đồng thời giám sát các hoạt động của cơ quan Cửu Trùng đài, đứng đầu Hiệp Thiên đài là Hộ pháp. Cửu Trùng đài là cơ quan hành pháp, hình thể của đạo gồm 9 viện, đứng đầu là Giáo tông.

Giai đoạn từ năm 1926 đến năm 1934: Sau ngày khai đạo, các chức sắc lãnh đạo Cao đài tiến hành công việc truyền giáo tại khu vực Nam Bộ, vừa đề cao đạo Cao đài là tôn giáo nội sinh, có tinh thần yêu nước vừa khai thác triệt để sự huyền bí của cơ bút để thu hút người theo đạo. Các chức sắc Cao đài tiến hành xây dựng Tòa thánh, phát triển các thánh thất, điện thờ, hoàn thiện giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội nên hoạt động tại Tòa thánh dần dần được củng cố và đi vào nền nếp, các cơ sở đạo phát triển, tổ chức giáo hội hình thành từ Trung ương đến cơ sở theo 5 cấp hành chính đạo. Thời gian này việc hành đạo chủ yếu thông qua cơ bút, nên nhiều chức sắc đã lợi dụng cơ bút để tranh giành ảnh hưởng làm nảy sinh mâu thuẫn giữa Hiệp Thiên đài và Cửu Trùng đài. Do tình hình nội bộ Hội thánh mất đoàn kết, một số chức sắc cao cấp bất đồng với Tòa thánh bỏ về các địa phương thành lập chi phái Cao đài mới.

Giai đoạn từ năm 1934 đến năm 1975: Đây là giai đoạn đạo Cao đài phát triển mạnh mẽ nhất nhưng cũng xảy ra tình trạng phân chia thành nhiều chi phái hoạt động độc lập, đã có lúc lên đến 30 chi phái. Số lượng tín đồ đạo Cao đài phát triển lên đến hơn 2 triệu người tập

trung chủ yếu ở Nam Bộ, rải rác ở một số tỉnh miền Trung và miền Bắc.

Giai đoạn từ năm 1975 đến nay: Sau năm 1975, các phái Cao đài không hoạt động theo mô hình tổ chức cũ. Các Hội thánh Cao đài xây dựng tổ chức hành chính đạo theo hai cấp: Trung ương là Hội thánh, cơ sở là họ đạo. Từ năm 1995 đến năm 2000, lần lượt 9 hệ phái Cao đài tổ chức Đại hội thông qua Hiến chương, tổ chức giáo hội 2 cấp, hoạt động theo 3 hội: Thượng hội, Hội thánh, Hội Nhơn sanh và xác định đường hướng hành đạo "*Nước vinh, Đạo sáng*". Hiện nay có các Hội thánh sau: Hội thánh Cao đài Tiên Thiên, Hội thánh Cao đài Minh Chơn đạo, Hội thánh Cao đài Chiếu Minh Long Châu, Hội thánh Truyền giáo Cao đài, Hội thánh Cao đài Tây Ninh, Hội thánh Cao đài Ban Chỉnh đạo, Hội thánh Cao đài Bạch y, Hội thánh Cao đài Chơn lý và Hội thánh Cao đài Cầu Kho Tam Quan.

Trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đông đảo chức sắc, tín đồ của nhiều hệ phái Cao đài đã tích cực ủng hộ cách mạng, hăng hái tham gia đóng góp sức người, sức của vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng bào đạo Cao đài đang cùng toàn dân tích cực tham gia vào công cuộc đổi mới, góp phần xây dựng đất nước.

2.6. Phật giáo Hoà Hảo

Theo các tài liệu để lại thì tên gọi Phật giáo Hoà Hảo xuất hiện ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp nổ ra.

Khi ông Huỳnh Phú Sổ làm lễ khai đạo vào ngày 18-5 năm Kỷ Mão (ngày 4-7-1939), số người tin theo chưa nhiều, chỉ xung quanh khu vực làng Hoà Hảo thuộc tỉnh An Giang. Năm 1940, cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra và bị thất bại, Nam Bộ bao trùm không khí khủng bố. Trong trạng thái hoang mang dao động, nhiều người đã theo Phật giáo Hoà Hảo để tìm sự an ủi và cứu vớt. Đến cuối năm 1940, số tín đồ Phật giáo Hoà Hảo có đến vài trăm ngàn người.

Ban Trị sự các cấp Phật giáo Hoà Hảo được ông Huỳnh Phú Sổ chủ trương thành lập từ năm 1945. Tuy nhiên, do bối cảnh lịch sử nên mãi đến năm 1963 mới lập Ban Đại diện Trung ương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo lâm thời và ngày 5-2-1964 chính quyền Sài Gòn có Nghị định công nhận tổ chức của đạo, hệ thống quyền lực của đạo (gọi là giáo quyền) đan xen với hoạt động của tổ chức đảng Dân Xã và lực lượng vũ trang Phật giáo Hoà Hảo.

Phật giáo Hoà Hảo thờ Phật nhưng không thờ tượng cốt, tranh ảnh. Biểu tượng của Phật giáo Hoà Hảo là tấm vải màu dà (Trần Đà) với quan niệm *Phật tại tâm, tâm tức Phật*.

Ngoài tôn thờ Phật, ông bà tổ tiên, Phật giáo Hoà Hảo rất đề cao và tôn thờ các anh hùng dân tộc và những người có công với cộng đồng, coi đó là đối tượng thờ cúng của mình. Phật giáo Hoà Hảo không thờ những thần thánh nếu không rõ căn tích (xuất xứ). Tín đồ Phật giáo Hoà Hảo là những cư sĩ tại gia nên việc thờ phụng và hành đạo của Phật giáo Hoà Hảo rất đơn giản, chủ yếu tiến hành tại gia

đình. Trong mỗi gia đình tín đồ Phật giáo Hòa Hảo có ba bàn thờ: bàn thờ Phật ở cao nhất chỉ treo Trần Đà; bàn thờ tổ tiên dưới bàn thờ Phật; bàn thờ thông thiên thờ ngoài trời ở trước cửa nhà. Sau này tín đồ Phật giáo Hòa Hảo có thờ ảnh ông Huỳnh Phú Sổ, thường được đặt dưới tấm Trần Đà.



Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo đã tổ chức hai kỳ Đại hội: Đại hội lần I, nhiệm kỳ 1999 - 2004; Đại hội lần II, nhiệm kỳ 2004 - 2009.

Bản Hiến chương 2004 đã khẳng định: đường hướng hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là "Vi Đạo pháp, vì Dân tộc", tôn chỉ hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là *Học Phật, tu Nhân, tại gia cư sĩ*, giáo huấn tín đồ về Tứ Ân (Ân Tổ tiên Cha mẹ, Ân Đất nước, Ân Tam bảo, Ân Đồng bào và

Nhân loại), tám điều răn cấm và giáo lý chân truyền của Đức Huỳnh Giáo chủ, cứu giúp người nguy khó, tương trợ trong quan, hôn, tang, tế và thực hiện hữu ích cho xã hội, cho nhơn sanh.

Theo bản Hiến chương 2004, cơ cấu tổ chức Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo được hình thành hai cấp: Ban Trị sự Trung ương và Ban Trị sự xã (phường), ở cấp tỉnh (thành) có Đại diện. Ban Trị sự Trung ương gồm 21 thành viên. Giúp việc cho Ban Trị sự Trung ương có các bộ phận như: Văn phòng, Ban Tài chính, Ban Phổ truyền Giáo lý, Ban Tổ chức và Nhân sự, Ban Từ thiện - Xã hội, Ban Kiểm soát.

Nhiệm kỳ của Ban Trị sự Trung ương là 5 năm. Nhiệm kỳ của Đại diện tỉnh và nhiệm kỳ Ban Trị sự xã theo nhiệm kỳ của Ban Trị sự Trung ương.

*
* *

Ngoài các tôn giáo trên, ở Việt Nam còn có các tôn giáo khác như Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Baha'i... và một số hệ phái Tin lành đang hoạt động bình thường.

CHƯƠNG 2

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh với tín ngưỡng, tôn giáo

Đoàn kết tôn giáo, hoà hợp dân tộc, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo là những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo.

Hồ Chí Minh cho rằng: “Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”¹. Đoàn kết toàn dân, trong đó có đoàn kết dân tộc và tôn giáo là yếu tố cơ bản đưa tới thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng ấy nằm trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh.

Với tinh thần đoàn kết lương giáo, hoà hợp dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập hợp được đông đảo chức sắc, tín đồ các tôn giáo hết lòng phấn đấu cho sự nghiệp cứu nước, kiến quốc, từ đó xóa dần những định kiến, mặc cảm do lịch sử để lại và âm mưu chia rẽ tôn giáo của các thế lực thù địch.

Hồ Chí Minh cho rằng, đoàn kết lương giáo là đoàn kết lâu dài và toàn diện, là vấn đề chiến lược. Thái độ

chân tình, cởi mở, bao dung và luôn thấu hiểu nỗi trăn trở, suy tư của đồng bào của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng tín đồ các tôn giáo.

Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo và công bố trước toàn dân ngày 2-9-1945 đã kế thừa và phát triển những giá trị của những tư tưởng tiến bộ về quyền con người trong các cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Chỉ sau một ngày khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 3-9-1945 Hồ Chí Minh đã chủ tọa phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ. Trong phiên họp này, Chủ tịch đã nêu sáu vấn đề cấp bách cần giải quyết, trong đó vấn đề thứ sáu là thực hiện “tín ngưỡng tự do, Lương Giáo đoàn kết”².

Ngày 9-11-1946, Quốc hội khóa I đã thông qua Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó ghi nhận: Nhân dân có quyền “tự do tín ngưỡng”. Ngày 14-6-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 234/SL quy định những hoạt động tôn giáo trong chế độ mới, được đồng bào theo và không theo tôn giáo nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ.

Năm 1958, khi trả lời câu hỏi của các cử tri Hà Nội: “Tiến lên chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo có bị hạn chế không?”, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại thái độ của người cộng sản đối với tôn giáo: “Không. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, tín ngưỡng hoàn toàn tự do. Ở Việt Nam ta cũng vậy”³. Người cũng nêu rõ những giá trị đạo đức và văn hóa nhất định của tôn giáo:

"Chúa Giê-su dạy: Đạo đức là bác ái.
Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi.
Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa"⁴.

Chính những quan điểm đúng đắn ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và tôn giáo đã bác bỏ luận điệu tuyên truyền rằng: Chủ nghĩa xã hội không phù hợp với nền văn minh Ki-tô giáo; chủ nghĩa xã hội hạn chế, thậm chí không chấp nhận chung sống với tôn giáo; giải tỏa nỗi lo lắng, ngò vực trong cộng đồng Công giáo khi bước vào công cuộc xây dựng xã hội mới.

Hồ Chí Minh thường nhắc nhở đồng bào và chiến sĩ cả nước phải *"quan tâm, chăm sóc cuộc sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các tôn giáo. Mong sao sản xuất ngày càng phát triển, phần xác ta được ấm no thì phần hồn cũng được yên vui"*⁵.

Hồ Chí Minh coi tôn giáo là một yếu tố cấu thành và là di sản văn hoá của nhân loại. Có được sự nhìn nhận ấy phải là con người đã trải qua một quá trình trải nghiệm trong thực tiễn cách mạng và sự am hiểu các tôn giáo một cách tường tận, để khái quát, chất lọc những giá trị tinh túy của nó nhằm tiếp thu, kế thừa.

Tôn trọng, chấp nhận sự khác biệt về nhận thức, tư tưởng; tìm ra và phát huy điểm tương đồng, mẫu số chung về mục tiêu, lý tưởng tốt đẹp để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ cao cả của dân tộc luôn được Hồ Chí Minh chú ý.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu mối quan hệ chặt chẽ giữa tôn giáo với dân tộc một cách giản dị, dễ hiểu nhưng rất độc đáo và sâu sắc: kính Chúa gắn liền với yêu nước, phụng sự Thiên chúa và phụng sự Tổ quốc, nước có vinh thì đạo mới sáng, nước có độc lập thì tín ngưỡng mới được tự do.

Theo quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối với người có tôn giáo thì đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không hề mâu thuẫn. Một người dân Việt Nam có thể vừa là một người dân yêu nước, đồng thời cũng vẫn là một tín đồ chân chính.

Tôn giáo với dân tộc bao giờ cũng được Hồ Chí Minh xem xét và giải quyết trên tinh thần của *khởi đại đoàn kết toàn dân*. Tôn giáo chỉ có thể khẳng định được mình khi sống giữa lòng dân tộc và dân tộc trên con đường phát triển cần biết phát huy những giá trị tích cực của các tôn giáo.

Hồ Chí Minh luôn tỏ lòng kính trọng, ngưỡng mộ các danh nhân của thế giới, không phân biệt họ thuộc tôn giáo nào, vô thần hay hữu thần, là người phương Đông hay người phương Tây... Người đã chất lọc, rút ra những giá trị tư tưởng lớn lao ở họ để kế thừa và phát triển. Từ Phật Thích Ca (Siddartha Gautama), Khổng Tử (Confucius), Chúa Giê-su (Jesus Christ) đến Các Mác (Karl Marx), Tôn Dật Tiên (Sun Yat Tsen)... Hồ Chí Minh đều coi họ là những vĩ nhân của lịch sử, những bậc thầy mà Người nguyện là người học trò nhỏ của các vị ấy.

2. Chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng cũng như trong lãnh đạo việc quản lý xã hội và điều hành đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến tôn giáo và có chính sách tín ngưỡng, tôn giáo đúng đắn và phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng.

Năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Đến năm 1990, Đảng Cộng sản Việt Nam có sự đổi mới trong chính sách đối với tôn giáo qua Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) "*Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*". Sau 13 năm thực hiện chính sách đổi mới đối với tôn giáo, tổng kết thực tiễn, đồng thời xem xét những vấn đề mới nảy sinh, trong bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều thay đổi quan trọng, ngày 12-3-2003, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW *Về công tác tôn giáo*. Văn kiện đã trở thành nền tảng chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo trong thời kỳ đổi mới. Tư tưởng của Nghị quyết 25 được thể hiện qua các nội dung chủ yếu sau:

Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo trong giai đoạn mới phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đại đoàn kết toàn dân tộc với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm

cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và nhiều cấp, nhiều ngành vì cuộc sống tinh thần và vật chất của hàng chục triệu tín đồ, chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo, phân bố ở mọi vùng, miền, địa phương trong cả nước.

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật. Việc truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo cũng như bỏ đạo.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4-2006) tiếp tục khẳng định: "Đồng bào *các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt

tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân"⁶.

3. Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo đảm và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân

3.1. Chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước Việt Nam trong những đạo luật cơ bản

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã khẳng định *Quyền tự do tín ngưỡng* là một trong năm quyền cơ bản của công dân ("Quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài" - Điều 10, Chương II - Nghĩa vụ và quyền lợi công dân). Với việc tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng

của công dân, Hiến pháp năm 1946 đã tạo ra cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách đối với tôn giáo trong phạm vi cả nước.

Ngày 31-12-1959, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua Hiến pháp 1959, trong đó nêu rõ *"Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào"* (Điều 26, Chương III - Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân). Kế thừa Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã bổ sung: *"Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước"* (Điều 68, Chương V - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

Sau khi có các Nghị quyết về công tác tôn giáo của Đảng trong thời kỳ đổi mới, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước đã thể chế hóa tư tưởng đổi mới đối với tôn giáo. Trước hết phải kể đến Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, đã kế thừa và phát triển các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, thể hiện tư tưởng đổi mới về tôn giáo của Nhà nước Việt Nam. Hiến pháp năm 1992 khẳng định: *"Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của*

Nhà nước". (Điều 70, Chương V- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

3.2. Những quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong các văn bản quy phạm pháp luật trước đây

Cùng với việc khẳng định những nguyên tắc cơ bản đối với tôn giáo trong Hiến pháp, Nhà nước Việt Nam đã thể chế hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo qua những văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn, quản lý hoạt động tôn giáo qua Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14-6-1955 - Sắc lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về Tôn giáo do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và ban hành, trong đó Chương I - Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, nêu rõ:

- *"Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào.*

Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo (như nhà thờ, chùa, thánh thất, trường giáo lý, v.v.).

Khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ của người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- *Các nhà tu hành và các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi của người công dân và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân.*

- Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải tuân theo luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, như các ngoại kiều khác.

- Các tôn giáo được xuất bản và phát hành những kinh bản, sách báo có tính chất tôn giáo, nhưng phải tuân theo luật pháp của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc xuất bản.

- Các tôn giáo được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo của mình.

- Các nhà thờ, đền, chùa, miếu, thánh thất và các đồ thờ, các trường giáo lý của tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

- Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật".

Từ những nguyên tắc chung nói trên, Sắc lệnh số 234 đã quy định cụ thể đối với những hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của các tôn giáo; đối với ruộng đất của các tôn giáo; mối quan hệ giữa chính quyền nhân dân và các tôn giáo.

Sắc lệnh số 234 thực hiện đến ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, được thay bằng Nghị quyết số 297/CP, ngày 11-11-1977 của Hội đồng Chính phủ Về một

số chính sách đối với tôn giáo. Kế thừa tư tưởng của Sắc lệnh số 234, Nghị quyết 297 nêu rõ năm nguyên tắc của chính sách tôn giáo là:

- "Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của nhân dân,

- Các nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo đều được hưởng mọi quyền lợi và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân,

- Các tôn giáo và mọi công dân theo đạo hoặc không theo đạo đều bình đẳng trước pháp luật,

- Các tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và chủ trương, chính sách, thể lệ của Nhà nước trong mọi lĩnh vực hoạt động của mình,

- Những kẻ lợi dụng tôn giáo để phá hoại nền độc lập của Tổ quốc, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, phá hoại khối đoàn kết toàn dân, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, chống lại chính sách và pháp luật của Nhà nước sẽ bị luật pháp nghiêm trị".

Từ năm nguyên tắc nói trên, Nghị quyết 297 quy định một số chính sách cụ thể về hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, về việc đào tạo, bổ nhiệm, chuyển những người chuyên hoạt động tôn giáo... Đặc biệt, Nghị quyết 297 còn nêu rõ trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc đảm bảo cho nhân dân thực hiện đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng.

Ngày 21-3-1991, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69-HĐBT Về các hoạt động tôn giáo, sau đó là Nghị

định số 26/1999/NĐ-CP Về các hoạt động tôn giáo ngày 19-4-1999 để cụ thể hóa các hoạt động tôn giáo theo khuôn khổ pháp luật.

Nghị định 69 và Nghị định 26 đều khẳng định nguyên tắc của chính sách tôn giáo trong thời kỳ đổi mới là:

- *"Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của công dân; nghiêm cấm sự phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo hoặc tín ngưỡng.*

- *Mọi công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ công dân.*

- *Các hoạt động tôn giáo phải tuân theo Hiến pháp và Luật pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

- *Những hoạt động tôn giáo vì lợi ích chính đáng và hợp pháp của tín đồ được bảo đảm.*

- *Mọi hoạt động mê tín dị đoan bị bài trừ. Mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để phá hoại nền độc lập dân tộc, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân làm hại đến nền văn hóa lành mạnh của dân tộc, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân đều bị xử lý theo pháp luật".*

Như vậy, cả hai Nghị định 69 và Nghị định 26 đều thể hiện thái độ đúng đắn của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo: Nhà nước tôn trọng và đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; khuyến khích những

hoạt động tôn giáo vì lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân; nghiêm cấm và xử lý theo pháp luật những hành vi lợi dụng tôn giáo vì mục đích xấu.

3.3. Chính sách tín ngưỡng, tôn giáo theo pháp luật hiện hành

Xuất phát từ nhu cầu hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân trong thời kỳ đổi mới và yêu cầu thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, ngày 18-6-2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI đã thông qua *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, sau đó ngày 29-6-2004 Chủ tịch nước đã ký Lệnh công bố *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* và có hiệu lực thi hành từ ngày 15-11-2004. Ngày 01-3-2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Đây là những văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có 6 chương, 41 điều đã thể hiện chính sách dân chủ, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tôn giáo, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; tôn trọng và bảo đảm nguyên

tác những việc nội bộ của các tổ chức tôn giáo do các tôn giáo tự giải quyết theo Hiến chương, Điều lệ của các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với việc quản lý các hoạt động tôn giáo được quy định cụ thể theo hướng cải cách các thủ tục hành chính như trình tự, thời hạn, phân cấp rõ thẩm quyền giải quyết của chính quyền các cấp trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân tôn giáo; làm lành mạnh hóa các quan hệ tôn giáo và hoạt động tôn giáo vì lợi ích chính đáng của tín đồ và tổ chức tôn giáo, vì lợi ích chung của toàn xã hội trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo với tinh thần thông thoáng, cởi mở; một mặt vừa đáp ứng yêu cầu đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; mặt khác, xác định yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, Nhà nước Việt Nam đã thể hiện đầy đủ sự quan tâm đến lợi ích chính đáng của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo và thể hiện thái độ rõ ràng, dứt khoát đối với mọi hành vi vi phạm pháp luật về tôn giáo như: nghiêm cấm việc xâm phạm các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, ép buộc công dân theo tôn giáo hoặc bỏ tôn giáo mà họ tin theo hoặc lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn

giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thi hành quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Công dân có tín ngưỡng cũng như tín đồ các tôn giáo được tự do bày tỏ đức tin, thực hành các nghi thức thờ cúng, cầu nguyện và tham gia các hình thức sinh hoạt lễ nghi tôn giáo và học tập giáo lý mà mình tin theo; phục vụ lễ hội phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc; không ảnh hưởng đến tập quán, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, tình đoàn kết cộng đồng; bảo đảm an toàn, tiết kiệm và bảo vệ môi trường. Đồng thời tôn trọng quy định của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; quy định của lễ hội, quy định trong các hương ước, quy ước của cộng đồng và quy định của pháp luật; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo đã quy định các điều kiện để một tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo, trong đó điều kiện "có đăng ký hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định" là một trong những điều kiện quan trọng. Do vậy, tổ chức tôn giáo tùy theo phạm vi hoạt động cần đăng ký hoạt động tôn giáo với Ban Tôn giáo Chính phủ hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh

nhằm giúp việc công nhận khi hội đủ điều kiện được thuận lợi, dễ dàng theo quy định của pháp luật.

Pháp lệnh cũng quy định thuận lợi về hoạt động của hội đoàn, dòng tu. Những hội đoàn do tổ chức tôn giáo lập ra chỉ nhằm phục vụ lễ nghi tôn giáo, khi hoạt động không phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác chỉ cần đăng ký theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền là có quyền hoạt động hợp pháp. Những dòng tu, tu viện đã đăng ký trước ngày *Pháp lệnh* này có hiệu lực thì không cần đăng ký lại. Trường hợp đã có hoạt động nhưng chưa đăng ký thì tiến hành đăng ký theo quy định hiện hành.

Tổ chức tôn giáo được thành lập trường đào tạo, mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo và thực hiện theo những quy định chung về thủ tục mở trường, lớp.

Việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tôn giáo là công việc nội bộ do tổ chức tôn giáo lựa chọn, quyết định theo Hiến chương, Điều lệ đã được Nhà nước phê duyệt; về pháp luật chỉ cần đảm bảo tư cách công dân. Sau khi phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, tổ chức tôn giáo đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những người này để đảm bảo quyền hoạt động tôn giáo hợp pháp cho họ. Qua đó, giúp cho các cơ quan nhà nước và các chức sắc tôn giáo tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tạo ra mối quan hệ thuận lợi. Trường hợp

phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc có yếu tố nước ngoài cần có sự thống nhất trước với Ban Tôn giáo Chính phủ.

Việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành cũng là công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo, khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo chỉ cần thông báo với Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi đi và đăng ký hoạt động tôn giáo với Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi đến.

Nhà nước có trách nhiệm quản lý xã hội, trong đó có tổ chức và hoạt động tôn giáo. Do vậy, việc đăng ký hoạt động tôn giáo hàng năm với chính quyền địa phương nhằm giúp các cơ quan chức năng chủ động hỗ trợ cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có đông tín đồ tham dự, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Người đi tu tại các cơ sở tôn giáo trên cơ sở tự nguyện, không ai được ép buộc hoặc cản trở. Đối với người chưa thành niên, phải được cha mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Khi nhận người vào tu, người phụ trách cơ sở tôn giáo có trách nhiệm đăng ký với Ủy ban Nhân dân cấp xã về danh sách người vào tu nhằm đảm bảo cho người dân thực hiện đầy đủ, đúng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mình mà không gặp trở ngại.

Các hoạt động khác của các tổ chức tôn giáo đều được tạo điều kiện thuận lợi như: hội nghị thường niên, đại hội hoặc việc giảng đạo, truyền đạo trong hoặc ngoài cơ sở tôn giáo trong đó có chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài; mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam để

tiến hành các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế có liên quan đến tôn giáo; tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài của tổ chức tôn giáo; tham gia khoá đào tạo tôn giáo ở nước ngoài. Người nước ngoài khi vào Việt Nam được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo và đồ dùng việc đạo để phục vụ nhu cầu của bản thân; được tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo như những tín đồ của Việt Nam; được mời chức sắc tôn giáo là người Việt Nam đến thực hiện lễ nghi tôn giáo cho mình. Tuy nhiên, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo có thể bị đình chỉ nếu vi phạm một trong các trường hợp: xâm phạm an ninh quốc gia, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc môi trường; xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác hoặc có những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác làm ảnh hưởng hoặc tác động xấu đến các quan hệ xã hội được Nhà nước bảo vệ.

Nhà nước bảo hộ những tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; tạo điều kiện trong việc quản lý, sử dụng đất có các công trình tín ngưỡng, tôn giáo cũng như việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo.

Tổ chức tôn giáo được tổ chức quyên góp, nhận tài sản hiến, tặng, cho trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật. Không lợi dụng danh nghĩa cơ sở, tổ chức tôn giáo để quyên góp phục vụ lợi ích cá nhân hoặc những mục đích trái pháp luật.

Việc xuất bản, in, phát hành các loại kinh, sách, báo, tạp chí và các xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm về tín ngưỡng, tôn giáo, sản xuất đồ dùng phục vụ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản, pháp luật về xuất nhập khẩu văn hoá phẩm không thuộc phạm vi kinh doanh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổ chức tôn giáo được Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các hoạt động vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật. Chức sắc, nhà tu hành, với tư cách công dân được Nhà nước khuyến khích tổ chức hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ra đời là sự khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với tôn giáo, tạo môi trường pháp lý quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, không những đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo đang diễn ra rất phong phú, sống động ở Việt Nam mà còn thích ứng với những điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết hoặc gia nhập trong đó có Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền và Công ước Quốc tế về các quyền dân sự, chính trị; đồng thời là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ ổn định, bền vững giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo. *Pháp lệnh* đã mở hướng thuận lợi cho các tổ

chức tôn giáo chưa được công nhận tiến hành đăng ký để hoạt động tôn giáo tiến tới được công nhận về mặt tổ chức khi hội đủ điều kiện.

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong việc điều chỉnh lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tôn giáo bằng pháp luật. Việt Nam đã thể hiện quyết tâm xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; riêng trên lĩnh vực quản lý về tổ chức và hoạt động tôn giáo được thể hiện bằng việc ban hành hàng loạt nghị định, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* hiện nay trên nguyên tắc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân và các hoạt động tôn giáo của các tổ chức tôn giáo, phù hợp với truyền thống văn hoá, đạo đức xã hội và pháp luật Việt Nam cũng như tương thích với luật pháp quốc tế về lĩnh vực này, làm cơ sở cho việc xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo trong tương lai.

Ngày 04-02-2005, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin lành* để giải quyết những vấn đề còn tồn tại và mới nảy sinh trong những năm gần đây liên quan đến sinh hoạt tôn giáo của người dân theo đạo Tin lành, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và người Mông, người Dao ở các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm bình thường hoá sinh hoạt tôn giáo của đạo Tin lành, làm cho người dân theo tín ngưỡng, tôn giáo yên tâm, gắn bó với cộng đồng.

4. Kết quả việc thực hiện chính sách và pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo

Sau gần hai mươi năm thực hiện chính sách đổi mới đối với tôn giáo, công tác tôn giáo đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Về mặt tổ chức, ngoài ba tổ chức tôn giáo đã được công nhận từ trước là Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Giáo hội Công giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Nhà nước đã lần lượt xem xét và công nhận về tổ chức cho các tôn giáo như:

- Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh - 1992,
- 9 Hội thánh Cao đài - từ 1995 đến 2000,
- Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo - 1998,
- Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) - 2001,
- Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang - 2004.

Như vậy, ở Việt Nam đã có 16 tổ chức tôn giáo (của 6 tôn giáo) được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân hoạt động trong khuôn khổ chính sách, pháp luật. Trong tháng 9-2006, các tổ chức tôn giáo: Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Hội Truyền giáo Cơ đốc đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tiến tới sẽ được công nhận về mặt tổ chức theo quy định của pháp luật.

Về mặt đào tạo chức sắc: Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã mở 3 Học viện Phật giáo, 6 lớp Cao đẳng Phật học, 31 Trường Trung cấp Phật học đào tạo 5.090 tăng ni;

Giáo hội Công giáo Việt Nam có 6 Đại Chủng viện đào tạo 1.236 linh mục; Viện Thánh kinh Thần học thuộc Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đã mở 2 khóa với 150 học viên. Ngày 30-8-2006, Viện Thánh kinh Thần học đã khởi công xây dựng cơ sở mới tại Thành phố Hồ Chí Minh... Về lĩnh vực xuất bản, chỉ tính 5 năm (1999-2004), Nhà xuất bản Tôn giáo, theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân tôn giáo, đã xuất bản được 719 ấn phẩm tôn giáo với 4.200.000 bản in, trong đó riêng Kinh thánh hơn 500.000 bản. Kinh thánh được in bằng các tiếng Ba-na, Ê-đê, Gia-rai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo của tín đồ ở vùng dân tộc thiểu số.

Nhà nước Việt Nam đã triển khai các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, trong đó đặc biệt chú trọng đến các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có đồng bào các tôn giáo. Bảo đảm và tạo điều kiện để sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, tín đồ được diễn ra bình thường trên các lĩnh vực như sau:

Các sinh hoạt tôn giáo như việc bày tỏ đức tin của tín đồ, lễ nghi, lễ hội tôn giáo được diễn ra bình thường, đặc biệt những ngày lễ trọng của các tôn giáo như lễ Phật đản của Phật giáo, lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh của đạo Công giáo và đạo Tin lành, lễ kỷ niệm ngày khai đạo của đạo Cao đài và Phật giáo Hoà Hảo, tháng chay Ramadan của Hồi giáo được tổ chức trọng thể theo đúng nghi thức tôn giáo, có đông đảo tín đồ tham dự.

Đặc biệt, lễ Phật đản Phật lịch 2550 (2006) đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức trang nghiêm, trọng thể với quy mô lớn nhân kỷ niệm 25 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 - 2006) và nhân lễ Phật đản được Tổ chức Văn hóa Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là một trong những ngày lễ hội tôn giáo của thế giới.

Những ngày lễ trọng của các tôn giáo được tổ chức với quy mô ngày một lớn, thu hút nhiều tín đồ tham dự với một tinh thần phấn khởi, yên tâm và tin tưởng vào chính sách tôn giáo và pháp luật Nhà nước, đồng thời bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Các tổ chức tôn giáo chủ động trong việc củng cố tổ chức, phong chức, phong phẩm, thuyên chuyển và bổ nhiệm các vị chức sắc và nhà tu hành để chăm lo việc đạo theo Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật. Giáo hội Phật giáo Việt Nam kiện toàn bổ sung nhân sự một số ban chuyên môn thuộc Hội đồng Trị sự Trung ương, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố, ra mắt một số Ban Đại diện Phật giáo cấp tỉnh.

Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) đã tổ chức Đại hội đồng nhiệm kỳ (2004 - 2008), Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) tổ chức Đại hội đồng nhiệm kỳ (2005 - 2009). Các tôn giáo khác như Hội thánh Cao đài Tiên Thiên, Hội thánh Cao đài Chơn lý, Hội thánh Cao đài Cầu Kho - Tam Quan, Hội thánh Truyền giáo Cao đài tiến hành Đại hội Đại biểu

Nhơn sanh nhiệm kỳ mới. Hội thánh Cao đài Tây Ninh tổ chức Hội nghị Hội thánh giữa nhiệm kỳ; bổ nhiệm các chức sắc, bổ sung đại diện Hội đồng Chứng quản tại các địa phương. Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo củng cố Ban Trị sự cấp cơ sở sau Đại hội nhiệm kỳ II. Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang được hình thành, đi vào hoạt động.

Qua thống kê năm 2005, các tổ chức tôn giáo có 800 người được phong chức, 605 người được bổ nhiệm và 337 người được chuyển hoạt động.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chức sắc, nhà tu hành trong các tôn giáo được duy trì và mở rộng. Các Trường Trung cấp Phật học và các lớp Cao đẳng Phật học chiêu sinh năm học mới với số lượng lớn. Các Học viện Phật giáo đang xúc tiến mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo tăng ni. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang khẩn trương hoàn thành xây dựng Học viện Phật giáo tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội; chuẩn bị điều kiện để xây dựng Học viện Phật giáo Nam Tông Khơ-me tại thành phố Cần Thơ và xây dựng cơ sở mới của Học viện Phật giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các Đại Chủng viện của Giáo hội Công giáo tăng số lượng và số lần chiêu sinh mỗi khóa. Đại Chủng viện Thánh Giuse Thành phố Hồ Chí Minh được mở thêm cơ sở II tại Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Viện Thánh kinh Thần học của Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) chiêu sinh khóa II, số lượng tăng gấp đôi khóa I; Ban Trị sự Tổng Liên hội mở các lớp bồi dưỡng giáo lý ở

các tỉnh Tây Nguyên cho các mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo là người dân tộc thiểu số chưa qua đào tạo và tổ chức tấn phong, phục chức cho chức sắc Tin lành ở các tỉnh thuộc khu vực này.

Các lớp giáo lý hạnh đường của đạo Cao đài, lớp bồi dưỡng giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo được tổ chức với số lượng đông đảo người tham dự. Các Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh An Giang đã tạo điều kiện cho một số tín đồ đi hành hương ở Thánh địa Mecca và thi đọc kinh Cô-ran ở nước ngoài.

Năm 2005, số tốt nghiệp các trường, lớp đào tạo của các tổ chức tôn giáo là 6.963 người, số mới được chiêu sinh là 5.584 người và số còn đang theo học là 4.563 người.

Việc in kinh sách và xuất bản các ấn phẩm khác liên quan đến tôn giáo được duy trì thường xuyên, bảo đảm phục vụ yêu cầu hoạt động tôn giáo. Hiện nay các tổ chức tôn giáo đã có các báo, tạp chí như: Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, Báo *Giác Ngộ* của Phật giáo; Tạp san *Hiệp thông*, Báo *Người Công giáo Việt Nam*, Báo *Công giáo và Dân tộc* của Công giáo; Tạp văn *Hương Sen* của Phật giáo Hòa Hảo; Bản tin *Mục vụ* và Bản tin *Thông công* của Tin lành.

Trong năm 2005, Nhà xuất bản Tôn giáo đã cấp phép xuất bản 450 đầu kinh sách (với hơn 1 triệu bản in) và 60 loại xuất bản phẩm khác. Riêng 6 tháng đầu năm 2006, Nhà xuất bản Tôn giáo đã in 130 đầu sách.

Hoạt động từ thiện nhân đạo của các tổ chức tôn giáo được khuyến khích, đạt nhiều hiệu quả. Các tôn giáo đã

tích cực tham gia hoạt động xã hội, y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo, phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức quyên góp cứu trợ đồng bào gặp khó khăn do thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa... Việc khám, chữa bệnh miễn phí, nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật, chăm sóc sức khỏe người già, người tàn tật, bệnh nhân phong, bệnh nhân AIDS giai đoạn cuối... do cá nhân chức sắc, nhà tu hành hoặc tổ chức tôn giáo phụ trách, tài trợ đã góp phần giải quyết những khó khăn trong cuộc sống và xoa dịu nỗi đau của hàng chục ngàn người.

Việc nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới cơ sở thờ tự của các tôn giáo được chính quyền các cấp tạo điều kiện và giải quyết nhanh theo quy định của pháp luật. Do vậy, trong năm có nhiều chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường của các tôn giáo được nâng cấp, xây dựng mới, đặc biệt một số chi hội Tin lành ở các tỉnh Tây Nguyên đã và đang được xem xét cấp đất xây dựng nhà thờ. Năm 2005 có 242 cơ sở thờ tự được xây mới và 320 cơ sở được nâng cấp, sửa chữa.

Cùng với những tổ chức tôn giáo đã được công nhận còn có một số tổ chức, hệ phái, tôn giáo khác đã hình thành hoặc mới du nhập vào Việt Nam vẫn đang sinh hoạt bình thường, ổn định tại các cơ sở thờ tự hoặc tại các điểm nhóm. Ban Tôn giáo Chính phủ đang phối hợp với các địa phương hướng dẫn một số hệ phái Tin lành và các tôn giáo khác đăng ký sinh hoạt tôn giáo để tiến tới công nhận về tổ chức theo quy định của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*.

Sau hơn hai năm triển khai thực hiện *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* và nhất là Chỉ thị của Thủ tướng về một số công tác đối với đạo Tin lành, sinh hoạt tôn giáo của đồng bào theo đạo Tin lành ở Tây Nguyên tiếp tục được quan tâm và bảo đảm đúng pháp luật. Trong thời gian qua đã có 718 điểm nhóm đăng ký và 67 chi hội được công nhận, sinh hoạt bình thường và có 71 mục sư và mục sư nhiệm chức được phong chức, phục chức. Một số chi hội đã và đang xây dựng cơ sở thờ tự.

Đối với đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc, chính quyền đã tạo điều kiện cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình; đang triển khai kế hoạch hướng dẫn đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo điểm nhóm với chính quyền cơ sở. Đến nay, bước đầu đã thực hiện việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo cho người dân theo đạo Tin Lành ở 27 điểm nhóm tại 9 tỉnh đạt kết quả tốt. Đây là bước đi cần thiết để tránh những mâu thuẫn phức tạp xảy ra trong từng gia đình, mỗi dòng họ hay bản làng làm ảnh hưởng đến cuộc sống vốn ổn định của người dân. Trên cơ sở những kết quả đã thu được ở các tỉnh nói trên, các địa phương khác ở khu vực miền núi phía Bắc đang và sẽ hướng dẫn những người theo đạo và các nhóm đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

5. Các tôn giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc

Trải suốt chiều dài lịch sử, nhất là qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ và anh dũng của dân tộc, nhìn chung đồng bào các tôn giáo ở Việt Nam đều có lòng yêu nước

nông nàn, đã đóng góp nhiều công sức và xương máu cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Kể từ khi đất nước thống nhất, đồng bào các tôn giáo, với phương châm sống "tốt đời, đẹp đạo", tiếp tục đồng hành cùng dân tộc.

Nhìn lại lịch sử dân tộc, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cũng như khi đất nước hòa bình, có thể khẳng định rằng: Đồng bào các tôn giáo đã có nhiều đóng góp to lớn trong cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; nhiều người đã lập công lớn, nêu tấm gương sáng cho muôn đời sau. Đồng bào các tôn giáo luôn luôn là một bộ phận không thể tách rời trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, góp phần tích cực vào việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước, cùng toàn dân xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Các tổ chức tôn giáo là một trong các lực lượng lên tiếng ủng hộ và hưởng ứng rất sớm phong trào thi đua yêu nước, đồng thời đề ra các chương trình hành động cụ thể như ra Lời kêu gọi, Thư chung, Thông bạch... để kêu gọi, động viên toàn thể chức sắc, nhà tu hành và tín đồ hưởng ứng thực hiện.

Trong những năm qua đã xuất hiện hàng ngàn hộ đồng bào các tôn giáo đạt nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào xoá đói, giảm nghèo, thi đua làm kinh tế giỏi, thực hiện tốt chính sách phát triển văn hoá - xã hội, xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh. Chỉ tính trong 5 năm về lĩnh vực nông nghiệp, cả nước có hơn ba

triệu lượt hộ nông dân các tôn giáo đăng ký và có hơn hai triệu lượt hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp; nhiều tập thể và cá nhân là điển hình tiên tiến. Nhiều làng nghề truyền thống ở vùng đồng bào theo tôn giáo đã được khôi phục, với đội ngũ lao động có tay nghề cao, thu hút và giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động. Nhiều nơi đã tổ chức hỗ trợ vốn sản xuất cho người nghèo, với nhiều hình thức khác nhau góp phần tích cực giúp đỡ các gia đình khó khăn vươn lên thoát nghèo.

Đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong việc thực hiện các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn"... phù hợp với truyền thống đạo lý của dân tộc Việt Nam. Tín đồ các tôn giáo luôn sẵn sàng tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, cứu trợ đồng bào vùng bị thiên tai... Nhiều chức sắc, nhà tu hành đã có thành tích xuất sắc trong các phong trào: Mở sổ vàng tình nghĩa, xây dựng Nhà Tình nghĩa, Nhà Tình thương, Nhà Đại đoàn kết, Vườn Tình nghĩa, chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, đóng góp nhiều tiền của, công sức giúp đỡ trẻ em nghèo, chăm sóc trẻ mồ côi và người già không nơi nương tựa. Tại nhiều cơ sở chăm sóc, điều trị bệnh nhân, trong đó có cơ sở của các tổ chức tôn giáo, như: HIV/AIDS, các trại phong, các khoa truyền nhiễm, da liễu... đã có nhiều vị chức sắc, nhà tu hành không ngại vất vả, hiểm nguy, tình nguyện vào để giúp đỡ bệnh nhân, nhất là các bệnh nhân nghèo khó. Nhiều dòng tu của đạo Công giáo, các tự viện của Phật giáo... đã tích cực tham gia nuôi dạy trẻ mồ

côi và chăm sóc cho hàng trăm người bị AIDS giai đoạn cuối không nơi nương tựa.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các Hội thánh Cao đài và Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo cũng như các tổ chức tôn giáo khác đã mở hàng trăm phòng khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho người nghèo; hàng năm đã quyên góp ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai hàng chục tỷ đồng, đóng góp hàng trăm tỷ đồng vào các hoạt động từ thiện xã hội khác như: giúp đỡ nhau sản xuất, xây dựng cầu đường giảm bớt khó khăn trong việc đi lại của người dân ở những vùng sâu, vùng xa; giúp đỡ các bệnh nhân tâm thần, nhà dưỡng lão, thăm nom các trại trẻ mồ côi, hiến máu nhân đạo...

Chính thông qua các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", hoạt động từ thiện nhân đạo, truyền thống đoàn kết, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau với tinh thần "lá lành đùm lá rách" của dân tộc và đạo lý tốt đẹp của các tôn giáo lại được khơi dậy và phát huy mạnh mẽ.

Phong trào Xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư được quần chúng tín đồ các tôn giáo tích cực hưởng ứng và đạt nhiều danh hiệu "Cơ sở tôn giáo văn hoá" và "Gia đình văn hoá". Nhiều tổ chức giáo hội có chương trình, kế hoạch cụ thể để hưởng ứng và tham gia như phong trào xây dựng "Chùa cảnh tinh tiến", hay "Chùa cảnh văn hoá" trong Phật giáo. Đồng bào Công giáo ở nhiều địa phương đã có những sáng kiến hay và đề ra những nội dung, tiêu chuẩn cụ thể gắn với đặc điểm, sinh hoạt tôn giáo, đồng thời vận động từng gia đình giáo dân phấn đấu thực hiện để đạt

các danh hiệu "Xứ họ đạo tiên tiến", "Gia đình Công giáo gương mẫu".

Ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước đã xuất hiện những làng văn hoá, khu phố văn hoá với những nét sinh hoạt đạo - đời hoà hợp, với nhiều tấm gương sáng trong phong trào xây dựng nông thôn mới, con người mới. Nhiều khu dân cư ở vùng có đông đồng bào theo tôn giáo đã trở thành những điểm sáng về phòng chống tội phạm, phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội khác, gìn giữ tốt an ninh trật tự, an toàn xã hội. Chức sắc và đồng bào theo đạo đã tích cực tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, thông qua các lời răn dạy, các giáo lý, tín điều và nếp sống đạo đức tôn giáo.

Thông qua các phong trào thi đua đã xuất hiện những tấm gương mẫu mực trong sản xuất, tận tụy trong công tác xã hội, đóng góp sức người, sức của với khả năng lớn nhất của mình cho sự nghiệp phát triển chung của quê hương, đất nước. Nhiều mặt hạn chế trong các vùng đồng bào có đạo trước đây như vấn đề giáo dục, dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng... đến nay đã có nhiều chuyển biến tích cực. Ở vùng đồng bào các tôn giáo, các tệ nạn xã hội rất ít xảy ra.

Đoàn kết phát huy dân chủ và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng trong các tầng lớp nhân dân nói chung và trong vùng đồng bào các tôn giáo nói riêng. Qua việc triển khai thực hiện Quy chế càng tạo cho đồng bào các tôn giáo thực sự tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào công

cuộc đổi mới đất nước, đồng thời phát huy các quyền làm chủ của nhân dân. Đồng bào đã nhận thức sâu sắc hơn về quyền, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân, góp phần thúc đẩy hiệu quả cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng giàu mạnh.

CHƯƠNG 3

QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÔN GIÁO

1. Quan điểm của Nhà nước Việt Nam về quan hệ quốc tế của các tôn giáo

Hoạt động đối ngoại tôn giáo liên quan đến tổ chức tôn giáo, tín đồ, chức sắc và hoạt động từ thiện xã hội có yếu tố nước ngoài của các tổ chức tôn giáo được thể hiện rõ ràng tại các quy định trong Hiến pháp, Luật, Nghị định, Nghị quyết của Nhà nước Việt Nam.

Điều 3 trong Sắc lệnh 234/SL ngày 14-6-1955, đã ghi: "Các nhà tu hành người ngoại quốc mà Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho phép, thì được giảng đạo như các nhà tu hành Việt Nam và phải tuân theo luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như các ngoại kiều khác". Điều 6 của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* khẳng định một nguyên tắc nhất quán: "Quan hệ giữa Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế về vấn đề có liên quan đến tôn giáo phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, các bên

cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế."

Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo của người nước ngoài ở Việt Nam giúp họ yên tâm làm việc, học tập, hợp tác, đầu tư tại Việt Nam chính là việc làm thiết thực vừa thể hiện chính sách tôn giáo đúng đắn vừa góp phần thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Nhà nước Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay theo tinh thần *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*

2. Quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo

Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam với mức độ khác nhau đều có mối quan hệ quốc tế nhất định. Quan hệ đối ngoại của các tôn giáo thể hiện cụ thể trong việc trao đổi đoàn, các chức sắc, tín đồ ra nước ngoài học tập, dự hội nghị, hội thảo, tham gia các hội nghị quốc tế tôn giáo thế giới, khu vực,... và các đoàn, các tổ chức tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam; các tổ chức phi chính phủ (NGO), trong đó có các tổ chức có nguồn gốc tôn giáo vào thực hiện các dự án viện trợ tại Việt Nam. Tại chương V "Quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc" của *Pháp lệnh* gồm các điều 34, 35, 36, 37 quy định cụ thể về các yếu tố liên quan đến các hoạt động quốc tế của các tôn giáo, cử người tham gia những khoá đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài; về việc chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo tại Việt Nam.

Trong quá trình đổi mới, hoạt động quốc tế của các tôn giáo diễn ra sôi nổi và phong phú bao trùm hầu hết các địa bàn, lãnh thổ và có liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có nhiều hoạt động có tính chất thuần tuý tôn giáo như thăm viếng lẫn nhau, tham gia các cuộc hội thảo, diễn đàn khu vực và quốc tế, trao đổi về giáo lý, giáo luật, lễ nghi, sinh hoạt tôn giáo... Cũng có các tổ chức tôn giáo tham gia những hoạt động xã hội, bác ái, từ thiện, viện trợ, văn hoá...

Phần lớn các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tôn giáo nước ngoài:

Đạo Phật: Trong quá trình du nhập, tồn tại và phát triển, Phật giáo Việt Nam có các quan hệ và giao lưu với Phật giáo các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực và trên thế giới: Trung Quốc, Ấn Độ, Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Sri Lanka, Đài Loan, Liên Xô (cũ), Mông Cổ, Pháp, Nhật, Mỹ, Nga...

Phật giáo Việt Nam với các mức độ khác nhau đã tham gia tổ chức hoặc tham gia hoạt động của các tổ chức tôn giáo khu vực và thế giới, như Hội nghị Phật giáo châu Á vì Hòa bình (*Asian Buddhist Conference for Peace - ABCP*), Liên đoàn Thân hữu Phật tử Thế giới (World Fellowship Buddhists - WFB); có quan hệ, giao lưu với Giáo hội Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Liên Xô (cũ), Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới (World Buddhist Conference - WBC) và tham gia các hoạt động quốc tế khác.

Đạo Công giáo: Đạo Công giáo ở Việt Nam có mối quan hệ thông công với Tòa thánh Vatican và quan hệ chặt chẽ với Giáo hội Công giáo Pháp, Giáo hội Công giáo Mỹ, Giáo hội Công giáo các nước châu Âu, với Giáo hội Công giáo Phi-líp-pin, Hàn Quốc; và là thành viên Liên Hội đồng Giám mục Á Châu (Federation of Asian Bishop's Conferences - FABC). Nhiều linh mục Việt Nam được đào tạo tại Italia, Pháp, Phi-líp-pin. Hàng năm các giám mục Việt Nam tới Roma và một số nước trên thế giới tham dự các sinh hoạt và hoạt động tôn giáo do Tòa thánh Vatican tổ chức và các tổ chức tôn giáo khác mời.

Đạo Tin lành: Hiện nay ở Việt Nam có hai tổ chức giáo hội của đạo Tin lành: Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) và một số hệ phái Tin lành khác. Trong hoạt động giao lưu quốc tế, Tin lành Việt Nam có quan hệ với: Tin lành Mỹ, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đức, Tin lành Bắc Âu,...

Gần đây Đoàn Liên minh Báp-tít Thế giới (Baptist World Alliance) do ông David Coffey, Tổng Thư ký làm Trưởng đoàn, gồm một số mục sư (Mỹ, Anh, Ấn Độ,...) vào thăm và làm việc với Hội thánh Báp-tít Ấn điển thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn đã có chương trình giao lưu rộng mở với Hội thánh Báp-tít Ấn điển và một số hệ phái Tin lành đang tiến hành các thủ tục đăng ký hoạt động về mặt tổ chức.

Đạo Hồi: Cộng đồng Hồi giáo thường xuyên có mối quan hệ với cộng đồng Hồi giáo trong khu vực Đông Nam Á. Các

mối quan hệ này rất đa dạng. Hồi giáo Việt Nam có quan hệ với Cộng đồng Hồi giáo Ma-lai-xi-a, Cộng đồng Hồi giáo Cam-pu-chia, Cộng đồng Hồi giáo In-đô-nê-xi-a, A-rập Xê-út, Liên hiệp Hồi giáo Thế giới.

Đạo Cao đài: Tuy Cao đài là tôn giáo nội sinh nhưng đã sớm có quan hệ quốc tế, đặc biệt với tổ chức Ô-mô-tô giáo, "Hội Huynh đệ và Tình yêu Đại đồng" Nhật Bản (từ năm 1935) và với Cao đài Hải ngoại.

Phật giáo Hoà Hảo: Phật giáo Hoà Hảo là một tôn giáo nội sinh nên không có hệ thống tổ chức quốc tế như các tôn giáo khác ở Việt Nam như Phật giáo, Công giáo, Tin lành... Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng năm 1975, một số tín đồ Phật giáo Hoà Hảo đã ra nước ngoài sinh sống và thường xuyên có mối quan hệ với trong nước.

Hiện nay, rất nhiều cá nhân, đại diện các tổ chức tôn giáo và liên quan tới tôn giáo vào thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời của cá nhân, tổ chức tôn giáo tương ứng tại Việt Nam. Các đoàn không chỉ vào làm việc với các tổ chức tôn giáo, gặp gỡ với các giáo hội mà còn làm việc với Chính phủ, các cơ quan và địa phương để cùng trao đổi, đối thoại về các vấn đề mà hai bên cùng quan tâm. Một số đoàn đáng chú ý như đoàn Vatican sang Việt Nam định kỳ hàng năm để trao đổi với Chính phủ Việt Nam về những vấn đề liên quan tới Giáo hội Công giáo Việt Nam và nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, đoàn Báo cáo viên Đặc biệt của Liên hợp quốc về

tự do tôn giáo, đoàn Đặc phái viên của Tổng thống Mỹ về tự do tôn giáo quốc tế, đoàn Văn phòng Tự do Tôn giáo Mỹ, đoàn Ủy ban Tự do Tôn giáo Mỹ, đoàn các Nghị sỹ châu Âu, EU...

Trong những năm gần đây, các giáo hội tham gia nhiều hội nghị khu vực và thế giới do các tổ chức tôn giáo và các tổ chức quốc tế đứng ra tổ chức. Tháng 8-2000, đoàn chức sắc các tôn giáo Việt Nam tham dự "Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ của các nhà lãnh đạo tôn giáo và tinh thần" tại Mỹ. Tại Hội nghị, các đại biểu đoàn Việt Nam đã làm cho bạn bè quốc tế hiểu đầy đủ hơn về chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

Trong thời gian từ ngày 9 đến 20-5-2002 và từ ngày 8 đến 18-6-2004, các đoàn gồm đại diện của Ban Tôn giáo Chính phủ và chức sắc tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành) đã sang Mỹ thăm và làm việc với các đối tác quan tâm đến vấn đề tôn giáo ở Việt Nam (chính giới Mỹ và lãnh đạo Giáo hội Giám lý Thống nhất, Hiệp hội Tin lành Quốc gia Hoa Kỳ, Tổ chức Nhà thờ Thế giới, tiếp xúc với các nhà báo quốc tế tại Washington D.C.). Chuyến thăm đã có kết quả tốt và để lại nhiều dấu ấn tích cực tại Mỹ, được đánh giá là có kết quả khả quan và mở ra một thời kỳ mới về đối thoại và tăng cường hiểu biết lẫn nhau về vấn đề tôn giáo giữa hai nước.

Một số đoàn đối thoại nhân quyền, tôn giáo khác có sự tham gia của chức sắc tôn giáo như đối thoại về sự hài hòa, hợp tác giữa các tôn giáo đã được tổ chức tại Bali - In-đô-nê-xi-a, Cebu - Phi-líp-pin, Síp...

Tại các cuộc đối thoại, chức sắc các tôn giáo đã có dịp nói rõ về chính sách tự do tôn giáo của Việt Nam ngày càng được bảo đảm và cũng là dịp để các chức sắc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi về kiến thức và thực tiễn mục vụ trong tôn giáo của mình.

Quan hệ quốc tế các tôn giáo ngày càng rộng mở, giao lưu quốc tế giữa các tôn giáo là một nhu cầu tất yếu, là một tập quán và thông lệ quốc tế. Các mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam cũng ở trong xu thế đó nhằm vừa đáp ứng những nhu cầu của giáo hội các tôn giáo, vừa hài hòa với các lợi ích chung của xã hội và đất nước.



Đoàn chức sắc tôn giáo Việt Nam sang thăm và làm việc tại Hoa Kỳ, tháng 6-2004

Nhìn chung, các mối quan hệ quốc tế của các tôn giáo ở Việt Nam xuất phát từ lý do tôn giáo, vì mục đích tôn giáo. Tuy nhiên, một số quan hệ quốc tế của các tôn giáo đã bị các thế lực thiếu thiện chí luôn tìm cách chống phá công cuộc đổi mới của Việt Nam lợi dụng; một số người vẫn dựa trên những thông tin sai lệch, phản ánh không đúng sự thật về tình hình tôn giáo cũng như chính sách tôn giáo ở Việt Nam và thông qua các tổ chức quốc tế gây áp lực với Chính phủ, Quốc hội Việt Nam nhằm ngăn cản sự phát triển quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước. Một số cá nhân ở trong nước núp dưới chiêu bài "tự do tôn giáo" để thực hiện những tham vọng cá nhân, phá hoại sự ổn định xã hội và khối đoàn kết dân tộc. Một số cá nhân và tổ chức ở bên ngoài lợi dụng họ vì những mục tiêu riêng, chống phá Nhà nước và quan hệ quốc tế của Việt Nam. Nhưng nhờ sự minh bạch và cởi mở về chủ trương, chính sách tự do tôn giáo của Việt Nam, đông đảo cá nhân và tổ chức quốc tế thừa nhận Nhà nước Việt Nam ngày càng thực hiện và bảo đảm quyền tự do tôn giáo của người dân.

Thời gian vừa qua, hoạt động đối ngoại tôn giáo đã đạt được những thành tựu nhất định, không chỉ giúp cho các tôn giáo duy trì quan hệ bình thường, giao lưu với các tổ chức tôn giáo các nước, khu vực và thế giới, mà còn thể hiện rõ chính sách mở rộng các hoạt động quan hệ và giao lưu quốc tế của nhân dân, góp phần tích cực trong công cuộc xây dựng và đổi mới của đất nước. Hoạt động quốc tế các tôn giáo đã góp phần làm rõ chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam, tranh thủ được sự ủng hộ

giúp đỡ vật chất, tinh thần của cộng đồng quốc tế cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

*
* *
*

Nhà nước Việt Nam khẳng định rằng, quyền tự do theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào đã được quy định rõ ràng trong hệ thống luật pháp Việt Nam và được đảm bảo trên thực tế. Mọi công dân có toàn quyền lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo của mình, các tôn giáo hoạt động theo pháp luật, đồng thời không làm ảnh hưởng đến đời sống và đoàn kết cộng đồng, đến an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Khách nước ngoài đến Việt Nam đều dễ dàng nhận thấy người dân theo tín ngưỡng, tôn giáo sinh hoạt bình thường và tham dự các lễ hội tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo với số lượng rất đông. Đó chính là bằng chứng rõ ràng về chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, Nhà nước Việt Nam không ngừng nghiên cứu, bổ sung và từng bước hoàn thiện một cách có hệ thống các văn bản có tính pháp lý cao hơn nhằm bảo đảm cho các tôn giáo được hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, giáo lý, giáo luật và hiến chương của từng tôn giáo. Các văn bản pháp lý này phù hợp với các điều khoản về tự do tôn giáo trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

PHỤ LỤC

Số tín đồ, chức sắc và cơ sở thờ tự của từng tôn giáo

	NĂM 2001	NĂM 2005
1. Đạo Phật		
Tín đồ	9.038.345	khoảng 10.000.000
Chức sắc	33.606	37.775
<i>Bắc Tông</i>	21.606	26.046
<i>Nam Tông (Khơ-me và Kinh)</i>	9.145	9.370
Khất sĩ	2.045	2.359
Cơ sở thờ tự	14.043	16.972
<i>Bắc Tông</i>	12.799	15.104
<i>Nam Tông (Khơ-me và Kinh)</i>		509
<i>Khất sĩ</i>		361
<i>Niệm Phật đường</i>	891	998
Cơ sở đào tạo	37	40
<i>Học viện Phật học</i>	3 (1.000 tăng ni sinh)	3 (1.141 tăng ni sinh)
<i>Cao đẳng Phật học</i>	4 (842 tăng ni sinh)	6 (1.000 tăng ni sinh)

	NĂM 2001	NĂM 2005
<i>Trung cấp Phật học</i>	30 (3.000 tăng ni sinh)	31 (3.726 tăng ni sinh)
<i>Thạc sĩ và tiến sĩ Phật học đang được đào tạo ở nước ngoài</i>	170	200
Cơ sở từ thiện nhân đạo	1.076	1.076
<i>Tuệ Tĩnh đường</i>	126	126
<i>Lớp học tình thương</i>	950	950
2. Công giáo		
Tín đồ	5.324.492	5.950.000
Chức sắc	2.563	3.031
<i>Giám mục:</i>	37	43
<i>Hông y</i>	1	2
<i>Tổng Giám mục</i>	3	3
<i>Linh mục triều</i>	2.133	2.476
<i>Linh mục dòng</i>	393	513
Giáo xứ		2.565
Đại Chủng viện	6	6
<i>Số chủng sinh</i>	1.044	1.479
Cơ sở từ thiện nhân đạo	1.007	1.041
3. Đạo Hồi		
Tín đồ	64.991	66.695
<i>Islam</i>		25.688
<i>Bà-ni</i>		41.007
Chức sắc	699	695
<i>Islam</i>		288
<i>Bà-ni</i>		407

	NĂM 2001	NĂM 2005
Cơ sở thờ tự	77	77
<i>Thánh đường (Islam)</i>	56	41
<i>Tiểu Thánh đường (Islam)</i>	1	19
<i>Chùa (Bà-ni)</i>	20	17
4. Đạo Tin lành		
Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc)		
<i>Tín đồ</i>	6.333	6.370
<i>Mục sư</i>	3	3
<i>Mục sư nhiệm chức</i>	10	10
<i>Nhà thờ</i>		12
Đạo Tin lành tại các tỉnh miền núi phía Bắc		
<i>Tín đồ (Tổng hội và một số hệ phái)</i>	90.005	110.000
Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)		
<i>Tín đồ</i>	461.903	503.598
<i>Mục sư</i>	112	173
<i>Mục sư nhiệm chức</i>		102
<i>Truyền đạo</i>	208	71
<i>Nhà thờ</i>		253

	NĂM 2001	NĂM 2005
Hội Truyền giáo Cơ đốc		
<i>Tín đồ</i>		21.819
<i>Mục sư</i>		8
<i>Mục sư uỷ nhiệm</i>		4
<i>Truyền đạo</i>		90
<i>Nhà thờ</i>		4
Đạo Tin lành tại các tỉnh Tây Nguyên và tỉnh Bình Phước		
<i>Tín đồ Tổng Liên hội</i>		293.208
<i>Tín đồ các hệ phái</i>		51.427
5. Đạo Cao đài		
Tín đồ	2.148.418	2.270.418
Chức sắc	7.104	11.278
Chức việc	13.256	23.636
Cơ sở thờ tự	1.079	1.335
<i>Thánh thất, thánh tịnh</i>	836	955
<i>Điện thờ Phật mẫu</i>	175	296
<i>Nhà tu, nhà tịnh</i>	68	84
6. Phật giáo Hòa Hảo		
Tín đồ	1.232.572	1.232.572
Chức việc	534	1.931
<i>Ban Trị sự Trung ương</i>		64
<i>Đại diện tỉnh, thành phố</i>		10
<i>Trợ lý đạo sự tỉnh, thành phố</i>		71
<i>Ban Trị sự cơ sở</i>		1.786
Cơ sở thờ tự	19	34

	NĂM 2001	NĂM 2005
7. Tình độ Cư sĩ Phật hội		
Tín đồ		1.450.000
Chức sắc, chức việc		4.800
Y sĩ, y sinh		868
Hội viên		350.000
Hội quán		201
8. Tứ Ân Hiếu Nghĩa		
Tín đồ		70.899
Chức sắc, chức việc		476
Cơ sở thờ tự		76

CHÚ THÍCH

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.20.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.9.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.9, tr.176.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.6, tr.225.
5. *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.3, tr.15.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.122-123.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời mở đầu</i>	5
<i>CHƯƠNG 1</i>	
TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	
1. Vài nét về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	7
2. Các tôn giáo ở Việt Nam	10
<i>CHƯƠNG 2</i>	
CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO	
1. Chủ tịch Hồ Chí Minh với tín ngưỡng, tôn giáo	38
2. Chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo	42
3. Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo đảm và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân	45
4. Kết quả việc thực hiện chính sách và pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo	59
5. Các tôn giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc	65
<i>CHƯƠNG 3</i>	
QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA CÁC TỔ CHỨC TÔN GIÁO	
1. Quan điểm của Nhà nước Việt Nam về quan hệ quốc tế của các tôn giáo	71
2. Quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo	72
PHỤ LỤC	80
CHÚ THÍCH	85
86	87

Mã số: _____

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại

Số đăng ký kế hoạch xuất bản số :

Giấy phép xuất bản số: CXB-QLXB, ngày

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2006.